

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thảo Trang
Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Văn Hới

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thảo Trang
Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Văn Hội**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thảo Trang

Mã SV: 110276

Lớp: QT1103K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu .
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.
 - Số liệu kế toán liên quan trong những năm gần đây.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần Xuân Thủy
 - Đ/C : Phi Liệt - Lại Xuân – Thủy Nguyên - HP

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011
Cán bộ hướng dẫn
(họ tên và chữ ký)

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tham gia SXKD thì mục tiêu hàng đầu cũng là tối đa hoá lợi nhuận. Bởi lợi nhuận tăng cao không chỉ nâng cao mức sống người lao động mà còn làm cho doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ trên thị trường. Để đạt được mục tiêu này các doanh nghiệp phải tìm mọi cách hạ giá thành sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận.

Chi phí về NVL là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh. Nó chiếm tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Vì vậy, tổ chức công tác kế toán NVL tốt sẽ góp phần đảm bảo cho công tác quản lý, sử dụng NVL có hiệu quả cũng sẽ tránh được tình trạng thua lỗ cho doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa không nhỏ của NVL trong doanh nghiệp sản xuất cùng với những kiến thức em đã được học ở trường, những thông tin thực tế thu thập được trong thời gian thực tập và sự hướng dẫn của TS. Trần Văn Hợi, em đã quyết định chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác Kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thuỷ”** làm đề tài cho bài luận văn tốt nghiệp của mình.

Nội dung chính bài luận văn của em gồm 3 phần:

Chương 1: Lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thuỷ

Chương 3: Một số ý kiến về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song với lượng kiến thức tích lũy được còn ít ỏi và thời gian hạn chế, nên chắc chắn chuyên đề không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy, cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn

Hải Phòng, tháng 6 năm 2011

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu (NVL)

NVL là một trong những yếu tố đầu vào không thể thiếu trong quá trình sản xuất, là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá, là tài sản lưu động dự trữ cho quá trình sản xuất kinh doanh, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu.

NVL là đối tượng đã được thay đổi do lao động có ích của con người tác động vào nó. Trong các doanh nghiệp sản xuất thì NVL là tài sản dự trữ của sản xuất thuộc tài sản lưu động. NVL có những đặc điểm sau:

Khác với tư liệu lao động, NVL chỉ tham gia duy nhất vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ và thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm.

NVL thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành của sản phẩm. Trong quá trình sản xuất, giá trị của NVL chuyển dịch một lần vào toàn bộ giá trị sản phẩm mới tạo ra.

Tất cả những đặc điểm trên đã tạo ra cho NVL đặc trưng riêng đòi hỏi các doanh nghiệp cần quản lý, sử dụng NVL một cách tiết kiệm, hiệu quả để có thể giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, trong quá trình hoạt động các doanh nghiệp cần đặt ra yêu cầu cụ thể trong công tác quản lý NVL.

1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất việc quản lý nguyên vật liệu đòi hỏi phải chặt chẽ, khoa học ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng. Cụ thể:

Khâu thu mua: Để quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường thì doanh nghiệp phải thường xuyên đảm bảo cho các loại nguyên vật liệu được thu mua đủ khối lượng, đúng quy cách, chủng loại. Kế hoạch thu mua đúng tiến độ phù hợp với kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua để từ đó chọn nguồn mua đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả và chi phí thu mua thấp nhất.

Khâu bảo quản: Tổ chức bảo quản nguyên vật liệu phải quan tâm tới việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, tránh hư hỏng mất mát, hao hụt đảm bảo an toàn là một trong những yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.

Khâu dự trữ: Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của nguyên vật liệu, hạn chế nguyên vật liệu bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh là một đòi hỏi đối với khâu dự trữ. Do đó, doanh nghiệp phải xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn do việc cung cấp, thu mua không kịp thời hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do việc dự trữ quá nhiều.

Khâu sử dụng: Quản lý ở khâu sử dụng phải thực hiện việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí, tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy, ở khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Như vậy, công tác quản lý vật liệu rất quan trọng. Trong thực tế vẫn còn có nhiều doanh nghiệp để thất thoát nguyên vật liệu do không có sự quản lý tốt ở các khâu hoặc không thực hiện đúng yêu cầu. Vậy nên, để quản lý tốt nguyên vật

liệu thì doanh nghiệp phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất.

Để cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin cho công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp, kế toán NVL cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ chính xác, kịp thời tình hình biến động của NVL (tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập – xuất – tồn...), tính giá thực tế NVL xuất kho và xuất dùng trong quá trình SXKD.

Áp dụng đúng đắn, nhất quán trong các phương pháp hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp NVL để phản ánh tình hình biến động từng loại NVL. Cần thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu như: Lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, mở các sổ (thẻ) chi tiết. Thường xuyên đối chiếu số liệu trên sổ sách kế toán NVL với thẻ kho và với số liệu tồn thực tế.

Định kỳ kế toán tham gia, hướng dẫn các đơn vị kiểm kê, đánh giá theo đúng chế độ do nhà nước quy định: Lập báo cáo về tình hình sử dụng NVL trong kỳ...

Phân tích tình hình cung cấp, bảo quản, dự trữ, sử dụng NVL trong doanh nghiệp. Từ đó phát huy những mặt đã làm tốt và khắc phục những mặt còn tồn tại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp, NVL bao gồm nhiều chủng loại khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng trong quá trình sản xuất và tính năng lý, hoá khác nhau. Do đó, để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết với từng chủng loại NVL phục vụ cho yêu cầu quản lý, doanh nghiệp cần tiến hành phân loại NVL theo những tiêu thức phù hợp.

1.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và nội dung kinh tế

Đây là cách thông dụng nhất trong thực tế hạch toán NVL ở các doanh nghiệp. Theo đặc trưng này NVL trong sản xuất gồm:

NVL chính: Các loại NVL tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, là những loại NVL tham gia cấu thành chính nên sản phẩm.

Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu không tham gia cấu thành chính nên sản phẩm nhưng có thể là thay đổi màu sắc, hình dạng tạo nên sự hấp dẫn hơn cho sản phẩm

Nhiên liệu: Thường ở thể lỏng (như xăng, dầu...) và thể khí (như hơi đốt, oxy...), là một loại vật liệu phụ được dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường.

Phụ tùng thay thế: Là những loại phụ tùng dùng để thay thế cho tài sản cố định khi tài sản cố định bị hỏng hóc sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn định kỳ.

Vật liệu xây dựng cơ bản: Là những vật liệu phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Vật liệu khác: Là các loại vật liệu không được xếp vào các loại kể trên, các loại vật liệu này do quá trình sản xuất mà ra, phế liệu thu hồi từ việc thanh lý tài sản cố định...

1.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu theo mục đích, công dụng của nguyên vật liệu cũng như nội dung quy định phản ánh chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản kế toán

- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất, chế tạo sản phẩm
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: Phục vụ quản lý doanh nghiệp...

1.2.1.3. Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn nhập

- Nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài
- Nguyên vật liệu nhập kho do tự chế tạo
- Nguyên vật liệu nhập kho do thuê gia công
- Nguyên vật liệu nhập kho do nhận góp vốn bằng NVL
- Nguyên vật liệu được biếu tặng

1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá NVL là việc xác định giá trị của NVL ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

- **Nguyên tắc giá gốc:** Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Nguyên tắc thận trọng:** Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- **Nguyên tắc nhất quán:** Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

1.2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu.**1.2.2.2.1.Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.**

Vật liệu trong doanh nghiệp được đánh giá theo trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho. Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá trị của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

- **Trường hợp NVL nhập kho do mua ngoài**

Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài = Giá mua ghi trên hoá đơn – Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua (nếu có) + Các khoản thuế không được hoàn lại + Chi phí thu mua.

Chiết khấu thương mại: Là những khoản giảm trừ cho người mua khi mua với số lượng lớn.

Giảm giá hàng mua: Là khoản mà người bán giảm giá cho người mua khi sản phẩm hàng hoá bị kém chất lượng, bị sai quy cách phẩm cấp hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

Các khoản thuế không được hoàn lại gồm: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế trước bạ.

Chi phí thu mua bao gồm: chi phí vận chuyển bốc dỡ, phân loại, đóng gói, bảo quản, chi phí thu mua của bộ phận thu mua độc lập.

- **Trường hợp nhập kho NVL do tự gia công chế biến**

Trị giá thực tế của NVL nhập kho do tự gia công, chế biến	=	Trị giá thực tế của NVL xuất đi gia công	+	Chi phí chế biến
---	---	--	---	------------------

- **Trường hợp nhập kho NVL thuê ngoài gia công chế biến.**

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực} & & & & & & \\ \text{t ế của NVL} & & & & & & \\ \text{nhập kho do} & = & \text{Trị giá} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{thuê gia công} & & \text{thực t ế} & + & \text{thuê ngoài} & + & \text{chuyển đến nơi} \\ \text{chế biến} & & \text{NVL xuất} & & \text{gia công} & & \text{gia công và từ} \\ & & \text{đi gia} & & \text{chế biến} & & \text{nơi gia công về} \\ & & \text{công chế} & & & & \text{nơi sản xuất} \\ & & \text{biến} & & & & \end{array}$$

- **Trường hợp nhập kho do nhận vốn góp liên doanh, liên kết hoặc được biếu tặng, cấp phát thì trị giá thực t ế của NVL nhập kho chính là giá trị hợp lý của NVL do hội đồng liên doanh, liên kết hoặc hội đồng giao nhận đánh giá.**

1.2.2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu xuất kho

Theo chuẩn mực hàng tồn kho có các phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực t ế} & & & & & & \text{Số lượng xuất} \\ \text{NVL xuất kho} & = & \text{Đơn giá thực} & \times & \text{t ế nhập kho} & & \text{của lần nhập kho} \\ & & & & & & \text{đó} \end{array}$$

- **Phương pháp tính giá thực t ế đích danh:** Theo phương pháp này khi xuất kho NVL thì căn cứ vào số lượng NVL xuất kho.

+ ưu điểm: Xác định được chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

+ Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập – xuất thường xuyên thì sẽ khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết NVL cũng rất phức tạp.

Phương pháp bình quân gia quyền: Trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị g thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Trong đó doanh nghiệp có thể lựa chọn 1 trong 3 phương pháp tính đơn giá bình quân:

+ *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\bullet \text{ Số lượng NVL tồn} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

+ *Phương pháp tính giá bình quân cuối kỳ trước:*

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn cuối kỳ trước}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn cuối kỳ trước}}$$

+ *Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL sau mỗi lần nhập}}$$

+ Ưu điểm: phương pháp này đơn giản, giảm nhẹ khối lượng tính toán, cung cấp kịp thời về tình hình biến động NVL trong kỳ.

+ Nhược điểm: Độ chính xác của việc tính giá phụ thuộc vào tình hình biến động của cả NVL.

- **Phương pháp nhập trước xuất trước:** theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối cùng được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

+ Ưu điểm: Công việc tính giá được tiến hành đều đặn trong kỳ, việc tính giá xuất kho là tương đối hợp lý.

+ Nhược điểm: Phương pháp này làm giảm doanh thu thuần của doanh nghiệp trong kỳ lạm phát.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước:** Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật tư nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

+ Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật tư. Trong trường hợp giá cả của vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

1.2.2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Giá hạch toán là giá kế hoạch hoặc giá ổn định nào đó, đến cuối kỳ kế toán tiến hành điều chỉnh từ giá hạch toán về giá thực tế thông qua hệ số giá (H). Việc điều chỉnh giá hạch toán như sau:

Xác định hệ số giữa giá hạch toán và giá thực tế của nguyên vật liệu:

$$\text{Hệ số giá (H)} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán NVL nhập trong kỳ}}$$

Sau đó tính giá thực tế xuất kho căn cứ vào giá hạch toán xuất kho và hệ số giá (H):

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Trị giá hạch toán NVL xuất kho} \times \text{Hệ số giá}$$

1.3. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất**1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm, thứ vật tư về số lượng và giá trị.

Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu phù hợp để tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán NVL bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu số 03- VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư (Mẫu số 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06-VT)
- Bảng phân bổ vật liệu công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT)
-

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian hợp l do kế toán trưởng ở đơn vị quy định, nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu sử dụng

Tuỳ thuộc vào kế toán chi tiết nguyên vật liệu chi tiết áp dụng trong doanh nghiệp mà kế toán nguyên vật liệu sử dụng các sổ (thẻ) kế toán nguyên vật liệu chi tiết khác nhau như:

- Sổ (thẻ) kho
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư
-

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên còn có thể mở các bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế tổng hợp nhập – xuất - tồn kho NVL phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

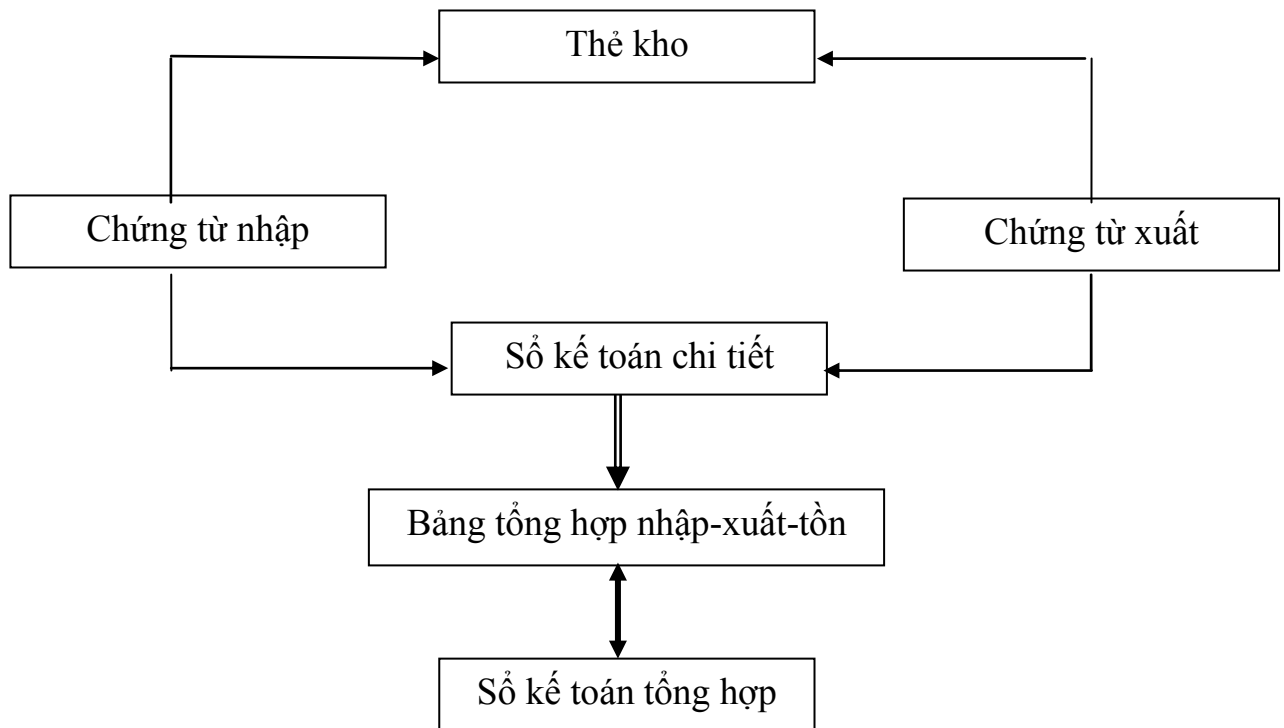
1.3.1.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu: Có 3 phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ dư.

Mỗi phương pháp có cách hạch toán chi tiết riêng, phù hợp với yêu cầu và trình độ đội ngũ cán bộ kế toán trong doanh nghiệp. Vì vậy, tuỳ thuộc vào đặc điểm của mình mà các doanh nghiệp lựa chọn phương pháp phù hợp.

1.3.1.2.1. Phương pháp thẻ song song

Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

- **Nội dung:**

+**Tại kho** : Hàng ngày thủ kho ghi theo số lượng tình hình nhập – xuất - tồn kho vào thẻ kho. Khi nhận các chứng từ nhập xuất NVL, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi sổ thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày, thủ kho tính ra số tồn kho và ghi vào thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi lên hoặc kế toán xuống kho nhận các chứng từ nhập - xuất đã được phân loại theo từng vật liệu cho phòng kế toán.

+ **Tại phòng kế toán:** Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho do thủ kho gửi lên, kế toán ghi sổ kế toán chi tiết NVL (kế toán theo dõi cả về số lượng và giá trị). Cuối kỳ kế toán đối chiếu số lượng với thủ kho, giữa thẻ kho với sổ kế toán chi tiết NVL. Nếu số liệu không đúng thì kế toán căn cứ vào các sổ chi tiết NVL để lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn NVL.

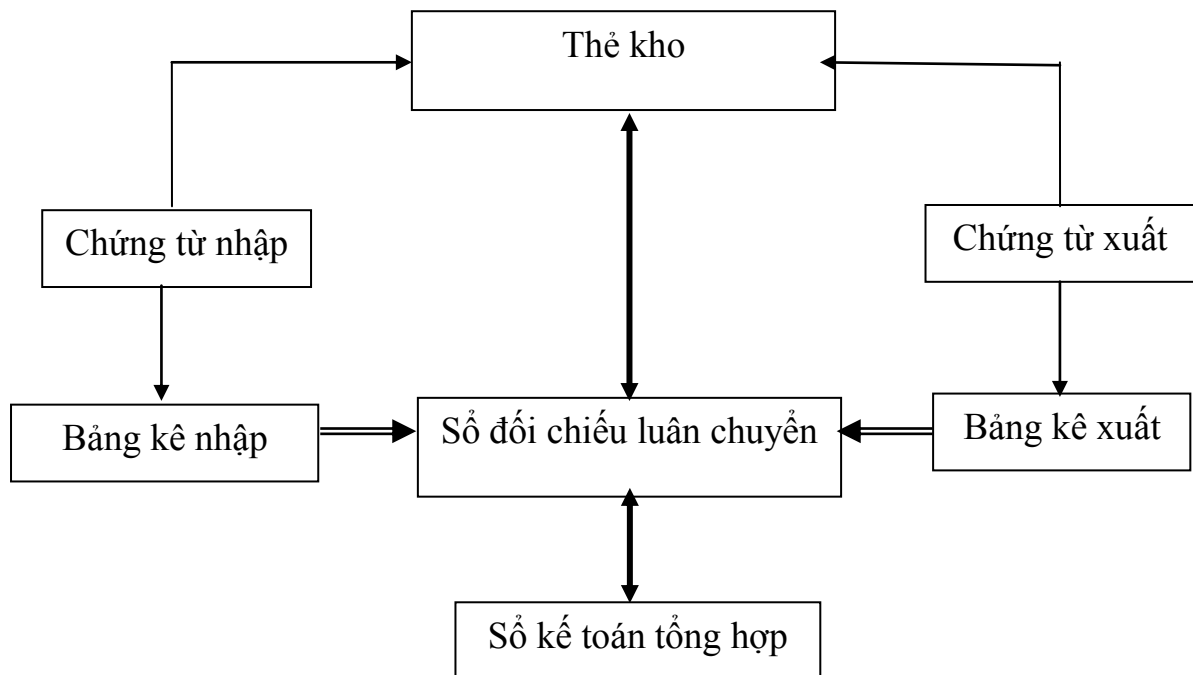
* **ưu điểm:** Phương pháp ghi chép giản đơn, quan hệ kiểm tra đối chiếu chặt chẽ.

* **Nhược điểm:** Còn ghi chép trùng lặp về mặt số lượng hàng ngày giữa thủ kho và kế toán.

* **Điều kiện áp dụng:** Đối với những doanh nghiệp có chủng loại hàng tồn kho không nhiều, khối lượng nghiệp vụ nhập - xuất không quá lớn.

1.3.1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

- **Nội dung:**

+ **Tại kho:** Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho thủ kho ghi vào thẻ kho.

+ **Tại phòng kế toán:** Hàng ngày hoặc định kỳ ngắn, căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho do thủ kho gửi lên kế toán lập bảng kê nhập và bảng kê xuất. Đến cuối tháng, căn cứ vào số liệu trong bảng kê nhập và bảng kê xuất, kế toán ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Sau đó, kế toán đối chiếu số liệu với thủ kho giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

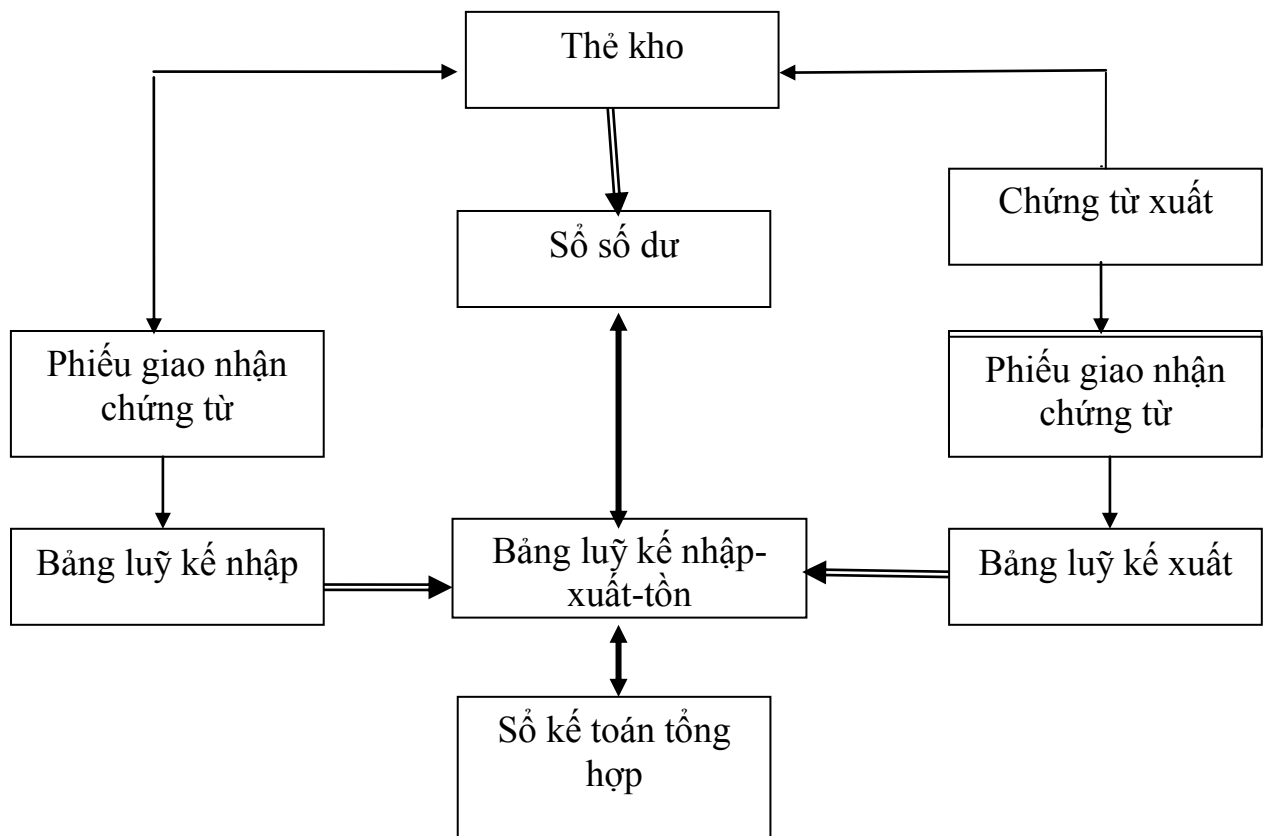
* **ưu điểm:** Giảm nhẹ được ghi chép trùng lặp hàng ngày giữa kế toán và thủ kho

* **Nhược điểm:** Vẫn còn ghi chép trùng lặp về mặt số lượng giữa thủ kho và kế toán vào cuối tháng.

* **Điều kiện áp dụng:** Đối với những doanh nghiệp có chủng loại hàng tồn kho không quá nhiều, khối lượng hàng tồn – nhập – xuất không quá lớn.

1.3.1.2.3. Phương pháp sổ số dư

Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

- **Nội dung:**

+ **Tại kho:** Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho thủ kho ghi vào thẻ kho. Cuối tháng căn cứ vào số lượng tồn của từng loại hàng tồn kho trên thẻ kho, thủ kho ghi vào sổ số dư cột số lượng tồn.

+ **Tại phòng kế toán:** Hàng ngày hoặc định kỳ ngắn căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho do thủ kho gửi lên, kế toán lập bảng kê nhập, bảng kê xuất. Cuối tháng căn cứ vào bảng lũy kế nhập, bảng lũy kế xuất kế toán lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn. Đồng thời căn cứ vào sổ số dư do thủ kho gửi lên về số lượng tồn từng loại hàng tồn kho và căn cứ vào hoá đơn thanh toán của từng loại hàng tồn kho và ghi chép vào sổ số dư cột giá trị tồn kho. Sau đó kế toán đối chiếu số liệu giữa sổ số dư với bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

* **ưu điểm:** Giảm nhẹ được khối lượng ghi chép trên các sổ kế toán, không còn ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán.

* **Nhược điểm:** Phương pháp ghi chép phức tạp đòi hỏi trình độ, năng lực kế toán ở mức cao hơn và phải sử dụng phương pháp giá hạch toán để hạch toán chi tiết hàng tồn kho.

* **Điều kiện áp dụng:** Chỉ trong những doanh nghiệp có chủng loại hàng tồn kho nhiều, khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất, hàng tồn kho lớn và sử dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho.

1.3.2. Các phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu**1.3.2.1. Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp kế toán phải tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của vật tư trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Như vậy, trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được xác định trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các chứng từ xuất kho, phân loại theo từng đối tượng sử dụng và được phản ánh trên tài khoản và trên sổ kế toán.

Giá trị của nguyên vật liệu tồn kho có thể tính được bất cứ lúc nào

1.3.2.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

Là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình nhập – xuất – tồn kho các loại NVL trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp trên cơ sở chứng từ nhập xuất. Theo phương pháp này, việc xác định giá trị NVL được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ sau khi đã được tập hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng để ghi vào tài khoản và sổ kế toán.

1.3.2.2.1. Tài khoản kế toán sử dụng

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu, kế toán sử dụng :

- **Tài khoản 152- Nguyên liệu vật liệu**
- **Tài khoản 151 – Hàng mua đang đi đường**

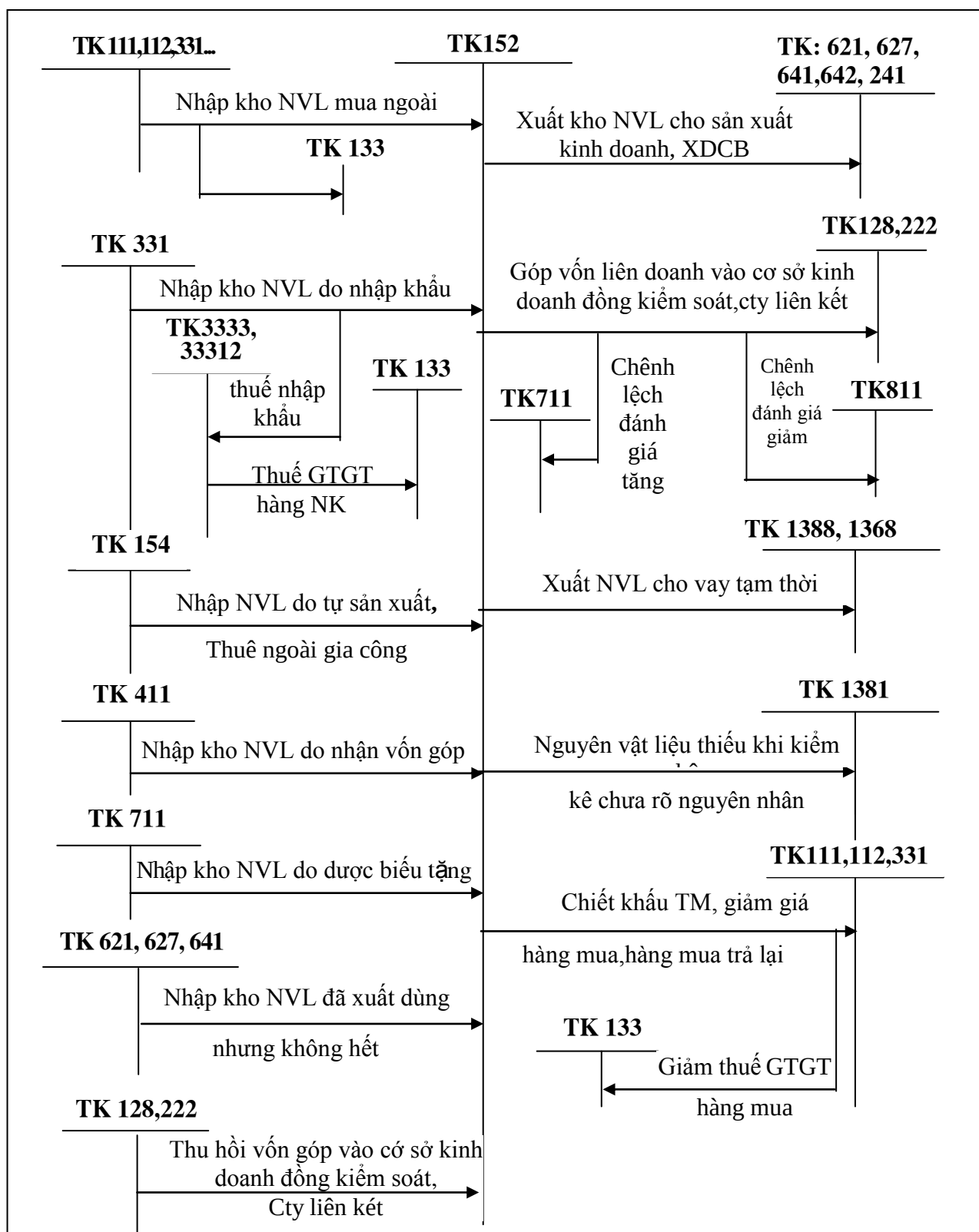
Tài khoản này phản ánh trị giá vốn thực tế các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp và tình hình hàng đang đi đường đã về nhập kho.

Ngoài các tài khoản trên, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 141, TK 331, TK 411, TK621, TK 627

1.3.2.2.2. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được biểu diễn dưới sơ đồ sau.

Sơ đồ 4: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Ghi chú: Nếu doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì sơ đồ trên không có TK133.

1.3.3. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung.
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy tính.

Dưới đây em xin trình bày về **hình thức kế toán chứng từ ghi sổ** (đây là hình thức kế toán được sử dụng tại đơn vị thực tập)

• **Đặc điểm:** Các hoạt động kinh tế tài chính được phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại, tổng hợp số liệu, lập chứng từ ghi sổ, sau đó sử dụng chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ cái các tài khoản. Trong hình thức này việc ghi sổ theo thứ tự thời gian tách rời việc ghi sổ theo nội dung kinh tế trên hai loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau.

Căn cứ để trực tiếp ghi sổ kế toán tổng hợp là sổ chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái tài khoản.

- **Sổ kế toán sử dụng:**

- + Sổ chứng từ ghi sổ- sổ nhật ký tài khoản.
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ- sổ nhật ký.
- + Sổ cái tài khoản.
- + Sổ(thẻ) chi tiết.

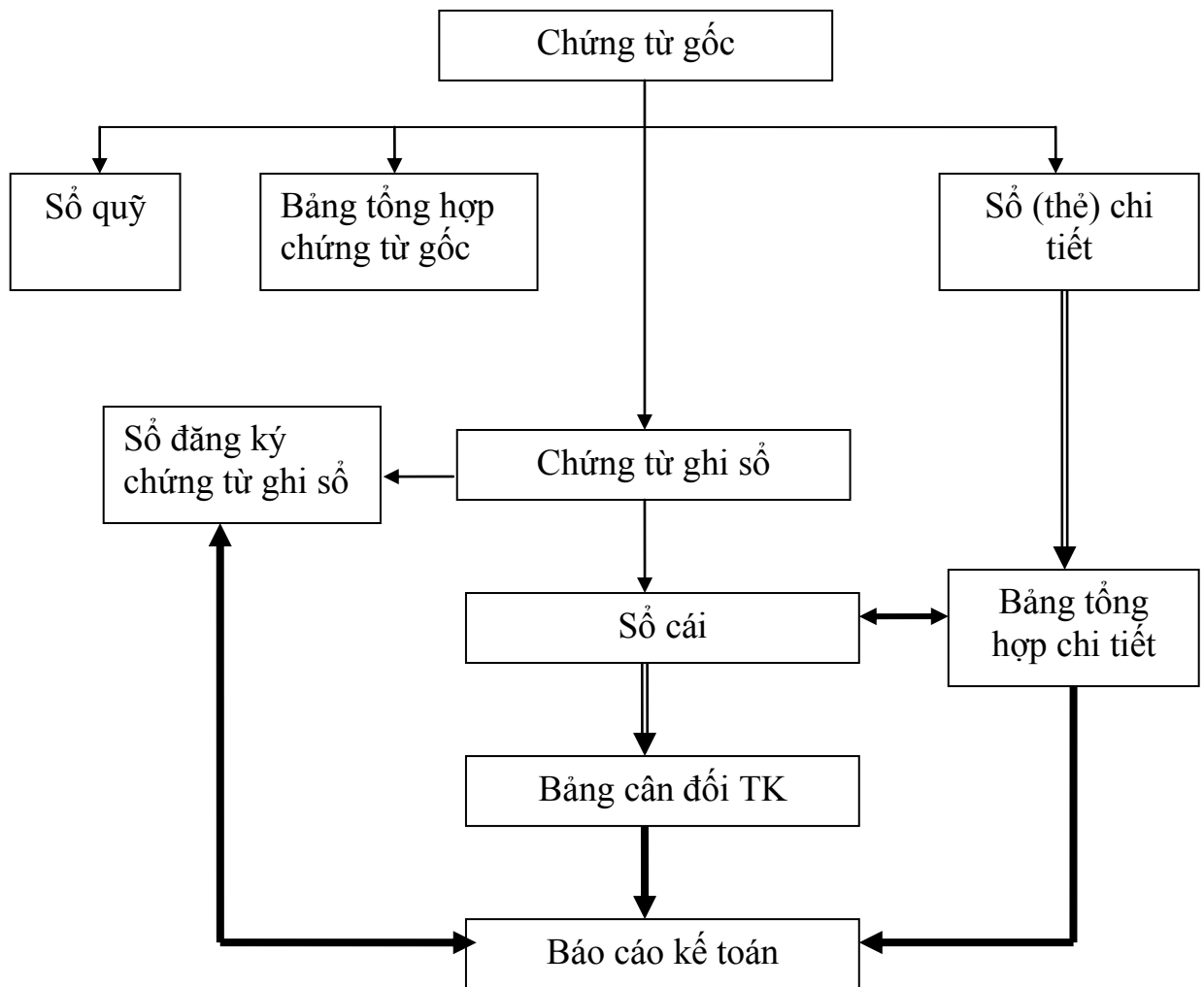
- **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu kiểm tra, thuận tiện cho phân công công việc kế toán.

- **Nhược điểm:** ghi chép trùng lặp, khối lượng công việc nhiều.

- **Điều kiện áp dụng:** Áp dụng với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị quản lý cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp.

- **Trình tự ghi sổ:**

Sơ đồ 5: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- : Ghi thường xuyên trong kì báo cáo
- : Ghi ngày cuối quý, năm
- ↔ : Đối chiếu số liệu cuối kì
- ====> : Ghi cuối tháng.

1.3.4. Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.

Trong quá trình điều hành hay tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh để có được những quyết định kinh tế chính xác, kịp thời đòi hỏi phải có những thông tin mang tính tổng quát, khái quát, có hệ thống và tương đối toàn diện về tình hình và hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sau mỗi kì nhất định. Những thông tin này phải là những thông tin kinh tế chính xác do kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp. Vì vậy, sau mỗi kì kế toán các doanh nghiệp nhất thiết phải lập và lưu hành các báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo kế toán bao gồm:

- + Báo cáo tài chính.
- + Báo cáo quản trị.

1.3.4.1. Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính là những báo cáo phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp bằng cách tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có cùng tính chất kinh tế thành các yếu tố của báo cáo tài chính. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh trong báo cáo kết quả kinh doanh là doanh thu, thu nhập khác, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính cũng phản ánh tình hình tạo tiền và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng quan tâm.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo tài chính phải trình bày các chỉ tiêu liên quan đến nguyên vật liệu bao gồm: Các quy định kế toán áp dụng trong việc đánh giá nguyên vật liệu bao gồm cả phương pháp tính giá trị nguyên vật liệu, tổng số giá gốc của nguyên vật liệu và giá gốc của từng loại nguyên vật liệu được phân loại phù hợp với đơn vị, tổng số giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu đã dùng thế chấp, cầm cố như sự đảm bảo cho các khoản nợ.

1.3.4.2. Báo cáo quản trị.

Báo cáo quản trị là những báo cáo chi tiết phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của quản lý trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể sử dụng các báo cáo quản trị khác nhau tuy nhiên chúng đều tập trung vào việc phản ánh và cung cấp các thông tin cho mục tiêu quản lý doanh nghiệp.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo kế toán quản trị phản ánh chi tiết tình hình biến động nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo từng loại, từng thứ để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Báo cáo nguyên vật liệu thường được lập cho từng kho, từng đơn vị, từng bộ phận của doanh nghiệp và toàn doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán cung cấp thông tin toàn diện, có hệ thống về tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh cũng như tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp. Các báo cáo kế toán là cơ sở để cung cấp số liệu để tiến hành phân tích hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh, khai thác các tiềm năng của doanh nghiệp. Từ đó có được các phương án kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy báo cáo kế toán phải trung thực, chính xác, đảm bảo tính khách quan và tình hình thực tế của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2 : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Xuân Thủy

2.1.1. Khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty cổ phần Xuân Thủy

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Xuân Thủy.

Hải Phòng là một trong những thành phố có vị trí đặc biệt quan trọng ở khu vực phía bắc. Là một trong những điểm nút quan trọng trong lưu thông hàng hóa, là nơi chứa nhiều tiềm năng về tài nguyên để phát triển kinh tế đặc biệt là ngư nghiệp và công nghiệp. Nhiều nhà máy, xí nghiệp lần lượt ra đời khai thác sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có, áp dụng theo những công nghệ tiên tiến để phát triển nền kinh tế theo một tầm cao mới. Theo đó là sự ra đời của công ty CP Xuân Thủy.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xuân Thủy

Trụ sở giao dịch: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

Cơ sở sản xuất: Bến cảng sông Kinh Thầy, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.674.360 . Fax: 0313.674.069

Công ty cổ phần Xuân Thủy chính thức đi vào hoạt động kinh doanh từ ngày 15/06/2005, theo giấy phép số 0203002326 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tuy chỉ mới thành lập được hơn 5 năm với số vốn điều lệ là 6.250.000.000 đồng nhưng công ty đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chiều sâu lẫn chiều rộng và quy mô. Không ngừng đổi mới và mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động để khẳng định mình trên thị trường và đối thủ cạnh tranh. Đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các đơn vị, các tổ chức kinh tế mang lại lòng tin, sự hài lòng cho khách hàng. Ra đời sau nhưng công ty cổ phần Xuân Thủy cũng đã trang bị cho mình những trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến khoa học, đội ngũ công nhân viên lành nghề có nhiều năm kinh nghiệm để áp dụng vào dây chuyền sản xuất mang lại hiệu quả cao cho công ty trong suốt thời gian qua.

Song mỗi doanh nghiệp đều có những khó khăn và thuận lợi trong quá trình hoạt động. Sau đây là thuận lợi và khó khăn của công ty CP Xuân Thủy:

- **Thuận lợi:**

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hoạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động.

Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán - cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán, kế toán viên có thể đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đến với yêu cầu quản lý của công ty cũng như các đối tượng liên quan khác.

Giới thiệu về đơn vị thực tập : Công ty CP Xuân Thủy

- **Khó khăn:**

Hiện tại công ty vẫn đang áp dụng hình thức kế toán thủ công nên vẫn có nhiều bất cập, khó khăn. Đó là việc ghi chép lặp lại nhiều lần cho một nghiệp vụ vì phải vào nhiều sổ sách có liên quan nên mất nhiều thời gian. Ví dụ 1 : Như Nộp/Rút tiền gửi ngân hàng, bạn đã phải vào sổ sách tiền mặt và tiền gửi.

Ví dụ 2 : Mua hàng hoá/vật tư (Thanh toán bằng tiền mặt), bạn phải viết lập phiếu chi và phải lập phiếu nhập đồng thời. Song song đó bạn phải vào sổ quỹ, sổ chi tiết vật tư cho từng mặt hàng.

Trên đây chỉ nêu vài dụ hình dung công việc làm kế toán thủ công, một nghiệp vụ phải làm nhiều động tác như vào sổ quỹ, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết vật tư hàng hoá.

Khi sai sót mất nhiều thời gian để tìm kiếm và nếu có cũng rất lâu.

Làm nhiều quy trình mới ra được báo cáo các loại nhất là vào dịp kết sổ cuối năm.

2.1.1.2. Chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty

- ***Chức năng:***

Mặt hàng sản xuất chính : Xi măng trắng, bột bả tường....

- ***Nội dung và nhiệm vụ sản xuất:***

Căn cứ giấy CN đăng ký kinh doanh, công ty CP Xuân Thủy có những chức năng và nhiệm vụ như:

Hoạt động đúng theo ngành nghề đã đăng ký.

Tận dụng mọi nguồn vốn đầu tư đồng thời quản lý khai thác có hiệu quả các nguồn vốn của công ty.

Tuân thủ thực hiện mọi chính sách do nhà nước ban hành, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Nghiêm chỉnh thực hiện mọi cam kết, hợp đồng mà công ty đã ký kết.

Tự chủ quản lý tài sản, quản lý nguồn vốn, cũng như quản lý cán bộ công nhân viên. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, đảm bảo công bằng xã hội, chăm lo đời sống cho người lao động, tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.

Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, an toàn trong sản xuất....

Công nghệ :

Công ty CP Xuân Thủy có diện tích nhà xưởng rộng khoảng 10.000m², kho tàng bến bãi được quy hoạch phù hợp với địa thế và mặt bằng sản xuất kinh doanh phù hợp với dây chuyền sản xuất của công ty, các phòng ban đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Mỗi phòng ban đều có đầy đủ máy Fax, máy in, máy foto, máy tính, điện thoại....

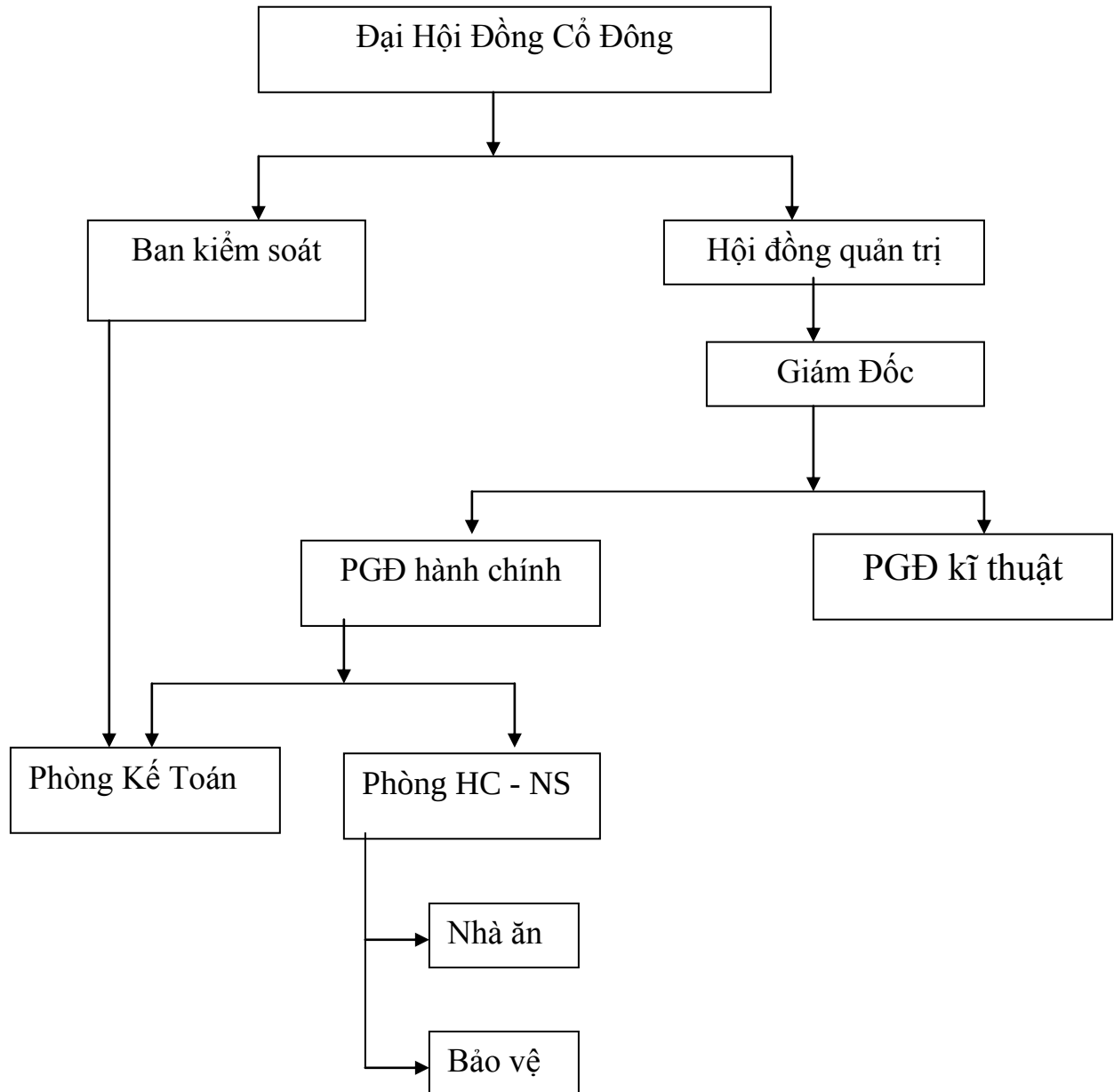
Quy trình công nghệ: dây chuyền sản xuất xi măng trắng

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý, kinh doanh tại công ty CP Xuân Thủy***2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty***

Cơ cấu tổ chức của công ty được tuân thủ theo một nguyên tắc nhất định đảm bảo được hiệu quả hoạt động của công ty về mặt chất lượng kinh doanh và công tác quản lý trong công ty.

Sơ đồ 2

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN XUÂN THỦY**



Chú thích:

Quan hệ trực tiếp: →

2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ các phòng ban:

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, cùng với sự biến đổi không ngừng khẳng định Công ty Cổ phần Xuân Thủy đã tổ chức bộ máy quản lí, gọn nhẹ, phù hợp như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:**

- Thông qua định hướng phát triển công ty.
- Quyết định mức cổ tức hằng năm, bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, xem xét và xử lí các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

- **Hội đồng Quản trị :**

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức kí hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với giám đốc và người quản lí quan trọng khác, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lí đó.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lí nội bộ của công ty.
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- **Giám đốc:**

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thường ngày của công ty.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty.
- Tuyển dụng lao động.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

- **Ban kiểm soát:**

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Kiến nghị hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Phó giám đốc:** Dưới quyền giám đốc là phó giám đốc kỹ thuật và phó giám đốc hành chính, chịu trách nhiệm điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của giám đốc.

Phó giám đốc hành chính chịu trách nhiệm điều hành bộ phận hành chính và tài chính- kế toán của công ty.

Phó giám đốc kỹ thuật trực tiếp quản lý và điều hành bộ phận kỹ thuật và quản lý việc sản xuất của công ty.

- **Phòng Hành chính–Nhân sự (HC – NS):** Nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty. Quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty và thực hiện các

công tác lao động tiền lương, BHXH, BHYT. Hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn.

- Bộ phận nhà bếp: đảm bảo đủ khẩu phần ăn cho nhân viên trong công ty, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, chuẩn bị nước uống cho các bộ phận trong công ty.

- Phòng bảo vệ: đảm bảo an ninh trật tự trong công ty, bảo vệ tài sản cho công ty.

- **Phòng tài chính kế toán:** Tổ chức công tác tài chính- kế toán trong công ty. Tập hợp và huy động các nguồn tài chính, quản lý quỹ, thanh toán vật tư và tập hợp các chi phí của quá trình sản xuất.

- **Phân xưởng 1:**

Sản xuất và vận hành máy để sản xuất ra xi măng trắng.

- **Phân xưởng 2:**

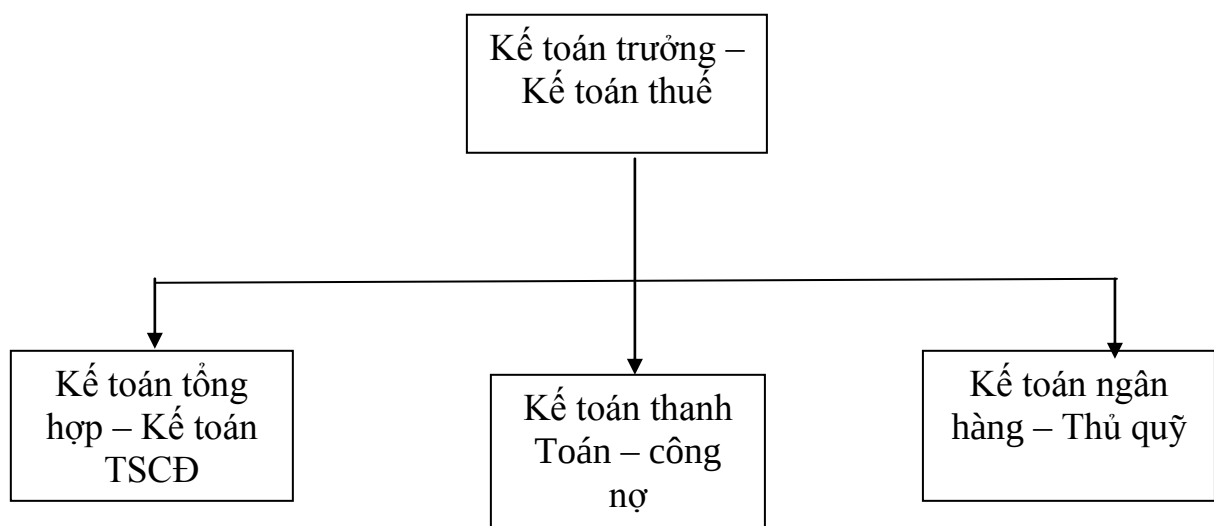
Tổ chức đóng gói, tập kết hàng vào kho goác vận chuyển cho khách hàng.

2.1.3. Đặc điểm công tác Kế toán tại công ty cổ phần Xuân Thủy

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán được khái quát theo sơ đồ sau

Sơ đồ 3



Kế toán trưởng (đồng thời là kế toán thuế): Chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán của công ty, là người điều hành bộ máy kế toán và trợ giúp giám đốc trong việc cân đối khả năng tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Xác định các khoản thuế, kê khai thuế và quyết toán thuế với cục thuế theo chế độ quy định, lập báo cáo tài chính.

Kế toán tổng hợp: Tổng hợp số liệu, chứng từ, xác định kết quả kinh doanh trong từng kỳ, lập bảng lương, theo dõi công tác thu hồi vốn và công nợ, tổng hợp chi phí và tính giá thành, theo dõi, phân bổ và tính khấu hao tài sản cố định của công ty.

Kế toán thanh toán và theo dõi công nợ: Lập chứng từ thu – chi, thanh toán. Cân đối, lập kế hoạch công nợ và theo dõi, đối chiếu công nợ với khách hàng.

Kế toán ngân hàng – Thủ quỹ: Quản lý tiền mặt, theo dõi và đối chiếu các khoản tiền gửi ngân hàng. Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở những chứng từ hợp lý, hợp pháp đã được duyệt. Ghi sổ quỹ lập báo cáo quỹ cuối ngày cùng với chứng từ gốc nộp lại cho kế toán.

2.1.4. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

2.1.4.1. Đặc điểm các chứng từ kế toán

Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số **15/2006/ QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính**.

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
- + Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Thực tế đích danh
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định áp dụng: đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

Hệ thống sổ kế toán tại công ty :

Hình thức chứng từ ghi sổ gồm các sổ sách kế toán chủ yếu sau đây:

Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán.

+ Hệ thống chứng từ: Công ty vận dụng hệ thống chứng từ theo quy định của bộ tài chính.

+ Hệ thống sổ kế toán:

Sổ chi tiết: Công ty mở sổ chi tiết cho các tài khoản.

Sổ tổng hợp: Sổ cái.

+ Hệ thống báo cáo tài chính:

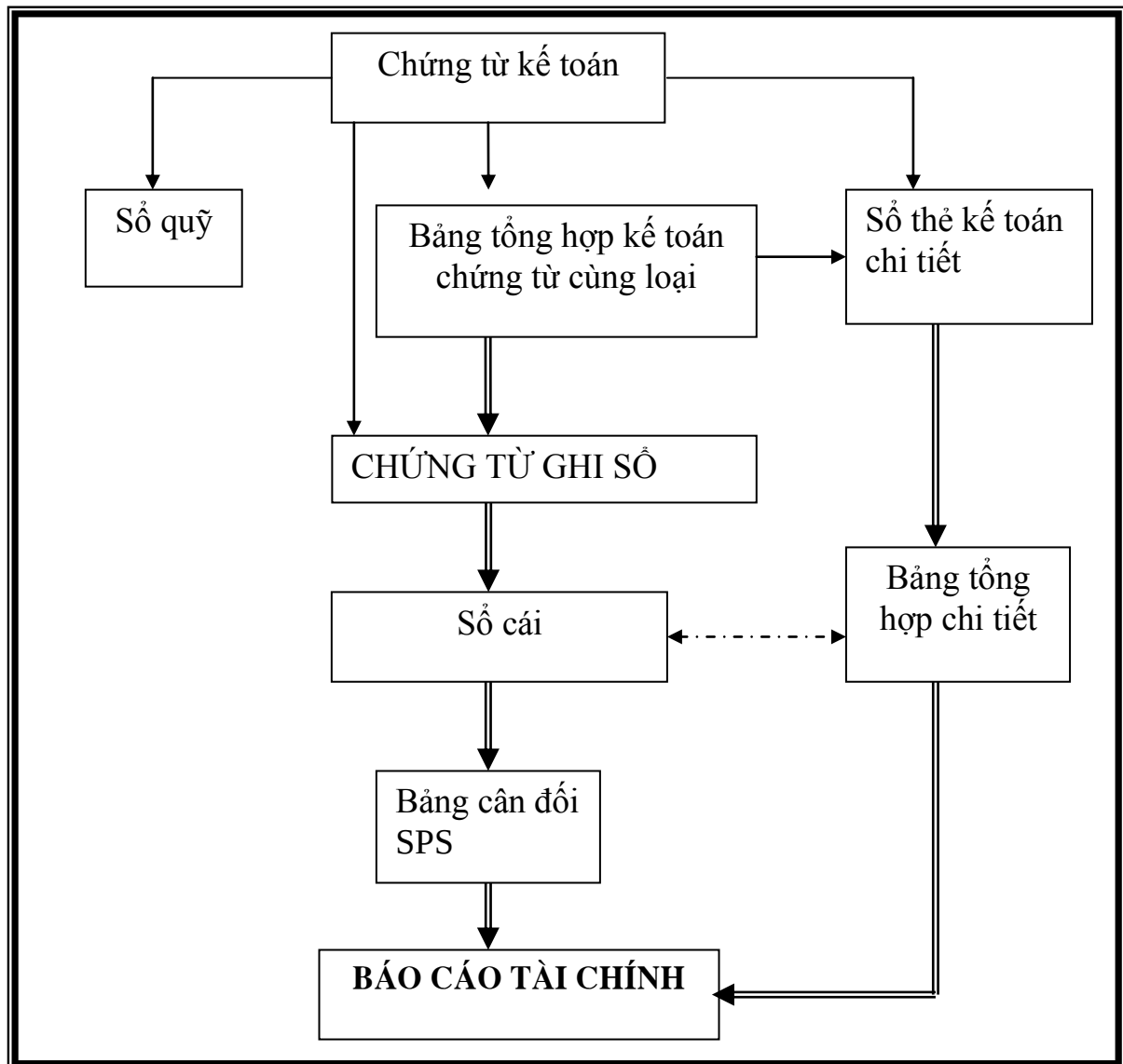
Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN).

Báo cáo kết quả kinh doanh(Mẫu B02-DN).

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DN).

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DN).

***Sơ đồ luân chuyển chứng từ theo hình thức chứng từ ghi sổ
ở công ty cổ phần Xuân Thủy***



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra →

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán có liên quan.

(2) Cuối tháng, Từ các chứng từ ghi sổ được đánh số chứng từ vào sổ cái, tính ra Tổng số phát sinh nợ, Tổng số phát sinh có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết(được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau. Tổng số dư nợ và Tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảngv tổng hợp chi tiết.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy

2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy

Trong các doanh nghiệp, NVL bao gồm nhiều chủng loại khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng trong quá trình sản xuất và tính năng lý, hoá khác nhau. Do đó, để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết với từng chủng loại NVL phục vụ cho yêu cầu quản lý, doanh nghiệp cần tiến hành phân loại NVL theo những tiêu thức phù hợp.

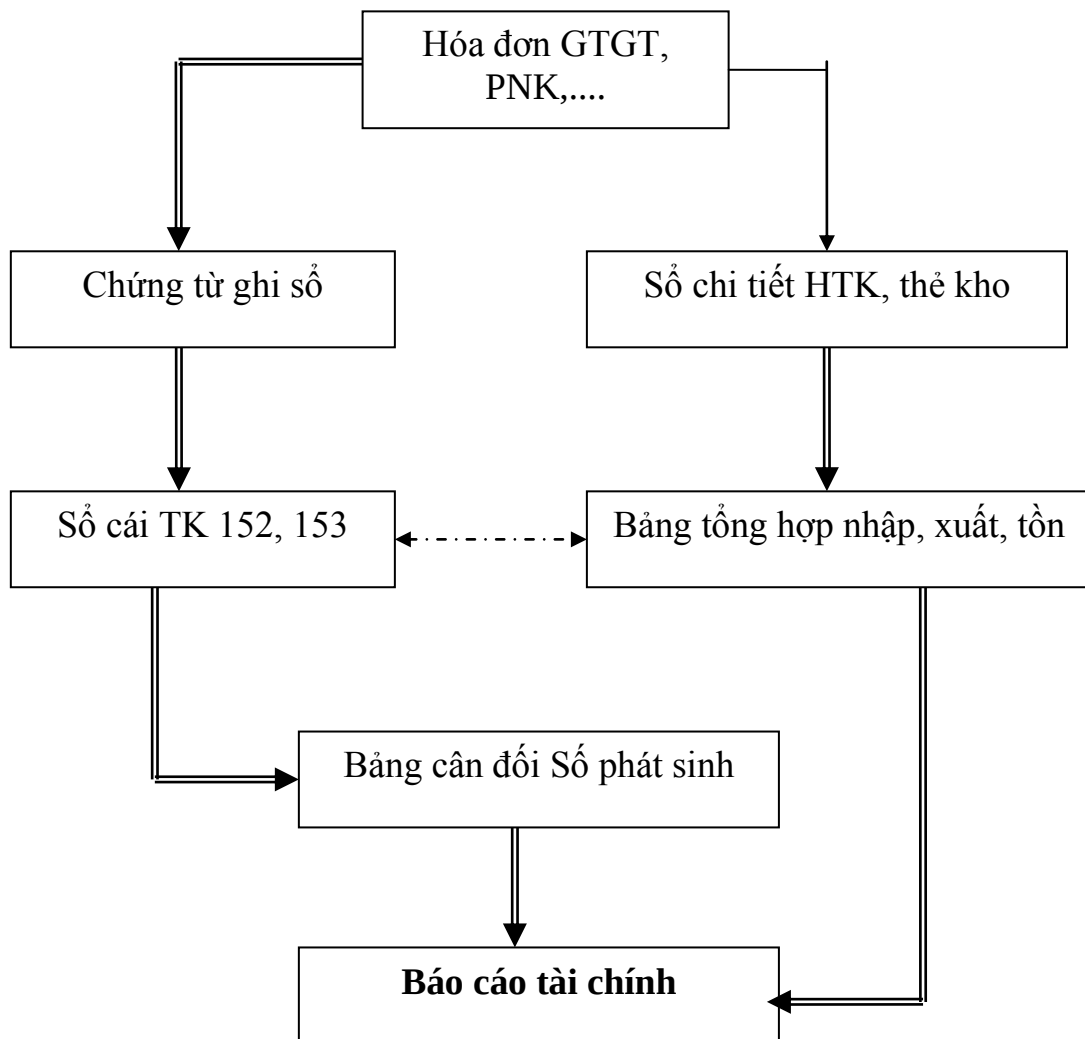
Để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết NVL phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp, công ty đã tổ chức phân loại NVL, dựa trên đặc thù hoạt động kinh doanh của mình.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty

Công ty phân loại căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Nguyên vật liệu được sử dụng ở công ty được chia thành các loại chủ yếu sau:

- ***Vật liệu chính*** : Là đối tượng trực tiếp cấu thành nên thực thể của sản phẩm như: đất sét,clinker,bột đá cao lanh ...
- ***Vật liệu phụ*** : Là loại nguyên vật liệu phụ, có tác dụng nhất định trong quá trình sản xuất như: thạch cao,phụ gia đá trắng...
- ***Vật tư, phụ tùng thay thế*** : Vòng bi, búa nghiền đá....
- ***Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản như*** : Tôn, thép, đá cắt 350, que hàn ,sắt ...
- ***Nhiên liệu*** : Các loại nhiên liệu thường dùng là: than,...
- ***Phế liệu*** : sắt,mô tơ,....

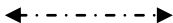
Quy trình hạch toán Nguyên vật liệu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

Đối chiếu: 

Căn cứ vào các chứng từ gốc (PNK,PXK,BB....) được dùng làm căn cứ ghi sổ,kế toán lập chứng từ ghi sổ,sau đó được dùng để ghi vào sổ cái.Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ,thẻ kế toán có liên quan.

Cuối tháng,phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nợ,tổng phát sinh có và số dư của các tài khoản trên sổ cái TK 152 .Căn cứ vào sổ cái lập bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng,số liệu ghi trên sổ cái TK 152 và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2.1 . Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty

Khi đánh giá nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc nhất quán
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật tư.

2.2.2.1. Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu của công ty nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài(mua trong nước hoặc nhập khẩu) không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Vì là đơn vị sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá không có thuế GTGT.

Phần lớn nguyên vật liệu mua ngoài theo hợp đồng kinh tế và được giao nhận tại kho nên chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên bán chịu. Trong trường hợp này, trị giá vốn thực tế nhập kho là giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế GTGT.

$$\begin{array}{lcl} \text{Trị giá vốn thực} & \text{Số lượng} & \text{Đơn giá mua} \\ \text{tế nguyên vật liệu} & = & \text{nguyên vật liệu} \times \text{ghi trên hoá đơn} \\ \text{nhập kho} & & \text{nhập kho} \quad \text{(chưa có thuế GTGT)} \end{array}$$

VD1: Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0963070 của xí nghiệp Tân Phong bán 20 (tấn) bột đá cao lanh.

Giá chưa có thuế	:	18.000.000 Đ
Thuế GTGT(thuế suất 10%)	:	1.800.000 Đ
Tổng giá thanh toán	:	19.800.000 Đ

Theo thoả thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Với tài liệu trên, công ty tính trị giá thực tế nhập kho của 20 tấn bột đá cao lanh là 18.000.000 đ, tức bằng giá mua chưa có thuế GTGT.

Trong trường hợp công ty nhập khẩu từ nước ngoài thì trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho gồm: Giá mua ghi trên hoá đơn chưa xó thuế GTGT cộng(+) chi phí thu mua cộng(+) thuế nhập khẩu

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vốn thực} & & \text{Giá mua ghi} & & \text{Chi phí} & & \text{Thuế} \\ \text{nguyên vật liệu} & = & \text{trên hoá đơn} & + & \text{thu mua} & + & \text{nhập khẩu} \\ \text{nhập kho} & & \text{(chưa thuế GTGT)} & & & & \end{array}$$

Trong trường hợp đặc biệt, phải nhập lại nguyên vật liệu trước đó(có thể do thay đổi đơn đặt hàng ,hoặc do thừa) thì trị giá vốn của nguyên vật liệu nhập lại kho sẽ bằng trị giá vốn xuất kho trước đó.

2.2.2.2. Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu mua về nhập kho rồi mới đưa vào sản xuất. Để xác định trị giá vốn xuất kho của nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp “Thực tế đích danh ”

- Phương pháp tính giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này khi xuất kho NVL thì căn cứ vào số lượng NVL xuất kho.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Đơn giá thực} & & \text{Số lượng xuất} \\ \text{NVL xuất kho} & = & \text{tế nhập kho} & \times & \text{của lần nhập kho} \\ & & & & \text{đó} \end{array}$$

Ví dụ:

Ngày 10 tháng 08 xuất bột đá cao lanh cho sản xuất.

- Số lượng : 20 tấn
- Đơn giá : 900.000đ/tấn

Trị giá hàng xuất kho:

$$20 \times 900.000 = 18.000.000$$

2.2.3. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy**2.2.3.1 Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty**

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho....được luân chuyển và sử lý một cách khoa học

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại,...để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng, sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, chứng từ ghi sổ...

Nhận được thông báo hàng đã về tới công ty, nếu cần kiểm tra hàng trước khi nhập kho thì cán bộ phụ trách kỹ thuật sản xuất, thủ kho và người của phòng kinh doanh sẽ được bố trí để kiểm tra và kết quả kiểm tra sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 2) sau đó phòng Kinh Doanh tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 3) giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 2 liên:

Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phòng kinh doanh (nơi lập phiếu).

Liên 2: Thủ kho dùng để ghi sổ thực nhập vào thẻ kho sau đó sẽ giao lại cho phòng kế toán.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGTkế toán ghi chứng từ ghi sổ.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 7).

Biểu số 1:

VD3: Ngày 30/08/2010 công ty nhận được hoá đơn GTGT của xí nghiệp Tân Phong.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT - 3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AM / 2010B																
Liên 2: giao khách hàng			0066315																
Ngày 30 tháng 08 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp Tân Phong																			
Địa chỉ: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng.																			
Số tài khoản :																			
Số tài khoản :																			
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>																			
Họ tên người mua hàng: Kiều Cao Môn																			
Tên đơn vị: Công ty CP Xuân Thủy																			
Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng																			
Số tài khoản :																			
Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>7</td><td>3</td><td>5</td><td>7</td><td>0</td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	6	7	3	5	7	0				
0	2	0	0	6	7	3	5	7	0										
STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Bột đá cao lanh	kg	18.360	980	17.992.800														
Cộng tiền hàng					17.992.800														
Thuế suất GTGT : 10 % Tiền thuế GTGT:					1.799.280														
Tổng cộng tiền thanh toán					19.792.080														
Số tiền viết bằng chữ : Mười chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng.																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ hồ tên)															

Khi nguyên liệu về, phòng kĩ thuật tiến hành làm thủ tục kiểm tra chất lượng và ghi kết quả kiểm tra vào phiếu yêu cầu nhập vật tư.

Biểu số 2:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

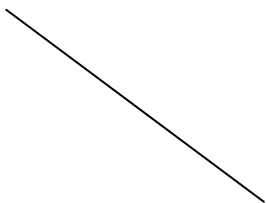
Phi Liệt – Lại Xuân - HP

PHIẾU YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ

Tên chủ hàng: Xí Nghiệp Tân Dương

Theo hợp đồng số:

Ngày 30 tháng 08 năm 2010

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Kết quả kiểm tra
1	Bột đá cao lanh 	kg	18.360	Đ

Ghi chú: Kết quả kiểm tra: Nếu đạt thì ghi chữ “Đ”, không đạt thì ghi chữ “K”

Kết luận: Đạt yêu cầu.

TP kinh doanh

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn, phòng kinh doanh lập phiếu nhập kho nguyên vật liệu.

Biểu số 3:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số: 01- VT

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 30 tháng 08 năm 2010

Số : 56

Nợ TK 1521: 17.992.800

Nợ TK 1331: 1.799.280

Có TK 112 : 19.792.080

Họ tên người giao hàng: Lê Duy Lực

Theo hoá đơn GTGT số 0963070 ngày 16 tháng 03 năm 2010 của Xí nghiệp Tân Phong.

Nhập tại kho: Kho vật tư (A1)

S TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo C.từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột đá cao lanh		kg	18.360	18.360	980	17.992.800
	Tổng lượng			18.360	18.360	Cộng tiền hàng	17.992.800
						Thuế GTGT	1.799.280
						Tổng tiền	19.792.080

Số tiền(bằng chữ): Mười chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng.

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.3.2.2. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Ở công ty, xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu là cho sản xuất sản phẩm. Nơi lập ra phiếu xuất kho là bộ phận sản xuất(Phân xưởng sản xuất). Khi các tổ sản xuất có nhu cầu về nguyên vật liệu để sản xuất sẽ viết phiếu yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 4) chuyển quản đốc phân xưởng sản xuất biết. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, tình hình sản xuất thực tế của phân xưởng, quản đốc sẽ lập phiếu xuất kho (Biểu số 5). Sau đó giao cho người ở phân xưởng đi lĩnh nguyên vật liệu ở kho. Căn cứ số lượng nguyên vật liệu tồn kho, phiếu xuất kho, thủ kho cho tiến hành xuất kho. Sau khi xuất kho, thủ kho ghi số thực xuất vào phiếu xuất và cùng với người lĩnh ký vào phiếu. Phiếu xuất kho gồm 2 liên:

Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phân xưởng(nơi lập phiếu)

Liên 2: Thủ kho dùng để ghi vào thẻ kho và sau đó sẽ chuyển cho phòng kế toán

Phiếu xuất kho sau khi đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá”, “Thành tiền”. Để tính được đơn giá xuất kho cho từng phiếu xuất , kế toán sử dụng phương pháp “Đơn giá thực tế đích danh”, nhưng trước tiên căn cứ vào số lượng thực xuất trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, sau đó căn cứ vào đơn giá xuất tính được trên sổ chi tiết để ghi vào phiếu xuất kho.

VD4: ngày 18/08 phân xưởng sản xuất có nhu cầu bột đá cao lanh, phiếu yêu cầu cấp vật tư được viết như sau:

Biểu số 4:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Ngày 31 tháng 08 năm 2010

Tên tôi là: Nguyễn Thị Hương.

Thuộc bộ phận: Phân xưởng sản xuất.

Lý do: Xuất nguyên liệu sản xuất xi măng trắng

Đề nghị cấp một số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	
			Đề nghị	Thực hiện
1	Bột đá cao lanh	kg	18.360	

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Phòng kỹ thuật

(ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(ký, họ tên)

Người yêu cầu

(ký, họ tên)

Phiếu yêu cầu được chuyển cho quản đốc .Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, tình hình sản xuất thực tế của phân xưởng, quản đốc sẽ lập phiếu xuất kho.

Biểu số 5:

Công ty cổ phần Xuân Thủy
Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số 02- VT
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 08 năm 2010

Quyển số:

Số :120

Nợ TK 154: 17.992.800

Có TK 1521 : 17.992.800

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hương

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: Xuất nguyên liệu sản xuất phụ gia xi măng trắng

Xuất tại kho: Kho vật tư(A1)

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột đá cao lanh		kg		18.360	980	17.992.800
	Cộng						17.992.800

Số tiền(bằng chữ): Mười bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm đồng.

Người lập phiếu Người xuất Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

2.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy được tiến hành đồng thời tại phòng kế toán và kho. Phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng là phương pháp ghi thẻ song song.

- ***Ở kho:***

Thủ kho sử dụng thẻ kho (Biểu số 6) để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập (xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập kho (xuất kho) thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào phiếu nhập kho(Phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho (liên 2) thủ kho ghi số lượng thực nhập(Thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau kho được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- ***Ở phòng kế toán:***

Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết (Biểu số 7) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT(của người bán), các chứng từ khác liên qua để tính ra “Đơn giá” và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật

liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 7). Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

VD5: Căn cứ vào phiếu nhập số 56, phiếu xuất 120 và các phiếu nhập, xuất bột đá cao lanh trong tháng 8/2010, thủ kho ghi thẻ kho mặt hàng bột đá cao lanh.

Biểu số 6:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S02a- DN

QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/08/2010

Tờ số:

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Bột đá cao lanh

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Chữ ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Dư đầu tháng				28.860	
1	03/08	03/08	PX106	Xuất kho	03/08		24.290	4.570	
2	05/08	05/08	PN50	Nhập kho	05/08	20.000		24.570	
...									
25	30/08	30/08	PN56	Nhập kho	30/08	18.360		70.320	
26	31/08	31/08	PX120	Xuất kho	31/08		50.920	19.400	
27	31/08	31/08	PN57	Nhập kho	31/08	45.610		65.010	
				Cộng số phát sinh		83.970	75.210		
				Dư cuối tháng				65.010	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Biểu số 7:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S10- DN

QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Tháng 8 năm 2010

KHO: A1

Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, vật liệu: Bột đá cao lanh

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Tồn đầu kì		980					28.860	28.282.800
PX106	03/08	Xuất kho	621	900			24.290	21.861.000	4.570	6.421.800
PN50	05/08	Nhập kho	111	900	20.000	18.000.000			24.570	24.421.800
										
PN56	30/08	Nhập kho	111	980	18.360	17.992.800			70.320	68.913.600
PX120	31/08	Xuất kho	621	980			50.920	49.901.600	19.400	19.012.000
PN57	31/08	Nhập kho	111	980	45.610	44.697.800			65.010	63.709.800
		Cộng PS			83.970	80.690.600	75.210	71.762.600		
		Tồn cuối kì							65.010	63.709.800

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với sổ trên thẻ kho, nếu khớp nhau(về số lượng) thì các số liệu ở trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để lập “ Bảng tổng hợp nhập xuất tồn”(Biểu số 8). Mục đích lập bảng này là để đối chiếu số liệu giữa bảng với sổ liệu trên sổ cái TK 152 nhằm kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép.

Biểu số 8:**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP- XUẤT- TỒN**

Tháng 8 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Mặt hàng	ĐVT	Đầu kì		Nhập		Xuất		Cuối kì	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
Nguyên vật liệu chính		229.195	182.208.400	567.230	425.233.500	361.405	179.889.449	435.020	427.552.451
Bột đá cao lanh	Kg	28.860	28.282.800	83.970	80.690.600	75.210	71.762.600	65.010	63.709.800
Clinker	Kg	198.380	152.752.600	400.000	327.272.400	105.500	103.390.000	492.880	376.635.000
.....									
Nguyên vật liệu phụ		8.672	26.202.157	10.228	30.239.818	2.760	15.054.530	16.140	41.387.445
Vỏ bao	Kg	6.792	24.698.157	5.428	26.399.818	1.500	8.181.810	10.720	42.916.165
.....									
Nhiên liệu		3.620	46.255.640	3.460	44.625.440	2.141	27.612.477	4.939	63.268.603
Dầu điezen	lit	1.150	21.045.000	1000	18.300.000	882	16.140.360	1.268	23.204.640
.....									
Phụ tùng		55	69.691.820	5	6.335.620	15	19.006.860	45	57.020.580
.....									
Tổng cộng		241.602	324.358.017	580.923	506.434.378	366.321	241.563.316	456.144	589.229.079

2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

Hiện nay, công ty cổ phần Xuân Thủy đang áp dụng kế toán tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tức là việc ghi chép tính toán tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên liên tục. Và trong quá trình hạch toán kế toán công ty cũng sử dụng các tài khoản có liên quan đến tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp này.

TK sử dụng: Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK sau:

TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

TK 111: Tiền mặt.

TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

TK 331: Phải trả cho người bán

.....

- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản :

TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

TK 627: Chi phí sản xuất chung.

TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang.

.....

Sổ sách sử dụng: Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức kế toán thích hợp cho mọi loại hình doanh nghiệp có ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này, bao gồm:

- Sổ cái TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

- Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư, sổ chi tiết TK 154, các bảng tổng hợp chứng từ gốc..

2.2.5.1.Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

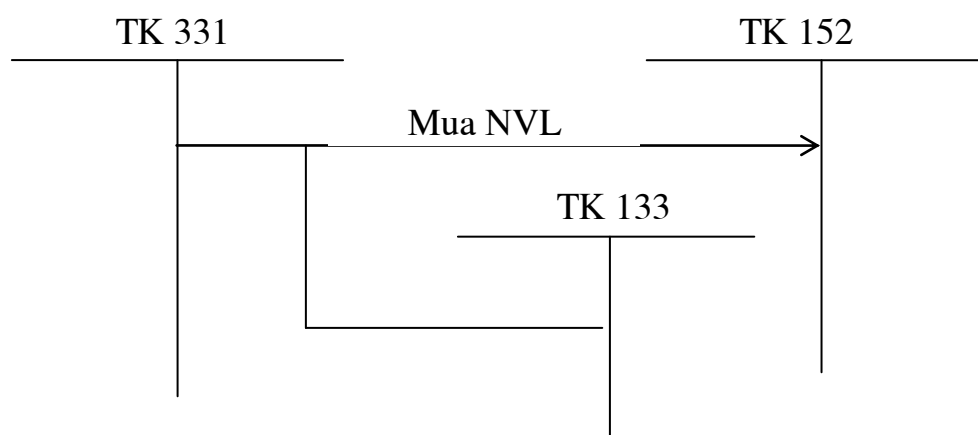
Do nguyên vật liệu của công ty được nhập hoàn toàn từ mua ngoài nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty và các nhà cung cấp vật tư. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

Cụ thể công việc hạch toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu được thực hiện như sau:

2.2.5.1.1 . Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán.

Hình thức mua nguyên vật liệu chưa thanh toán của công ty thường được áp dụng khi mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty. Việc theo dõi các khoản thanh toán với người bán được kế toán thực hiện trên cả phần mềm kế toán và trên sổ sách.

Mô hình nghiệp vụ:



VD: Ngày 20/08/2010. Bà Nguyễn Thị Luyện mua bột đá cao lanh tại xí nghiệp Tân Phong. Căn cứ vào HĐ GTGT số 0051191 có:

Giá chưa thuế: 8.104.600

Thuế GTGT(Thuế suất 10%): 810.460

Tổng giá thanh toán: 8.915.060

Theo thỏa thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán cho người bán

Khi nhận được hoá đơn GTGT trên:

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu

- Căn cứ vào HĐ GTGT lập chứng từ ghi sổ

Biểu số 9:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số S02a- DN

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:26/8

Ngày 20 tháng 08 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua bột đá cao lanh	1521	331	8.104.600	
	133		810.460	
Tổng cộng			8.915.060	

Kèm theo 02 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 08 năm 2010

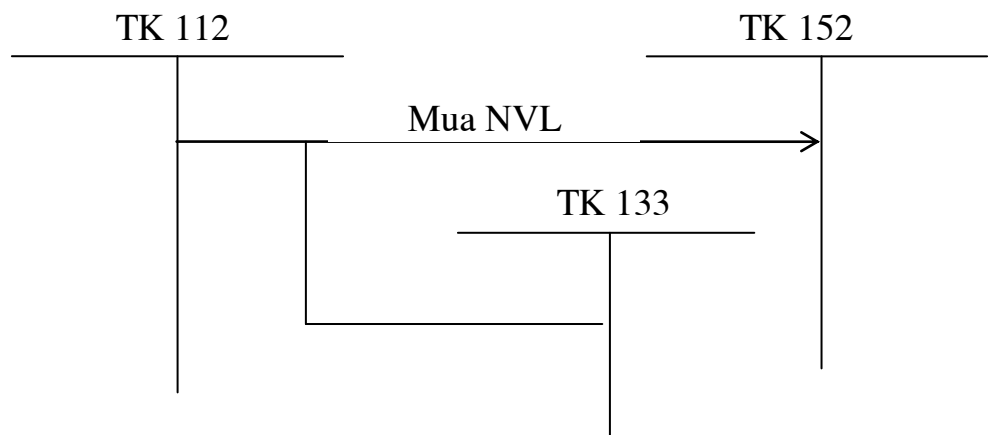
Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.5.1.2 Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

Thông thường việc thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng áp dụng với những lô hàng có giá trị lớn.

Mô hình nghiệp vụ:



VD: Ngày 10/08/2010, ông Trung mua clinker tại công ty TNHH Tân Bình. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0009522 có:

Giá chưa thuế:	54.000.000
Thuế GTGT(Thuế suất 10%):	5.400.000
Tổng giá thanh toán:	59.400.000

Theo thỏa thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Khi nhận được hoá đơn GTGT trên:

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu
- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để định khoản.
- Định kì, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để lập chứng từ ghi sổ

Biểu số 10:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S02a- DN

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/8

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua clinker	1521	112	54.000.000	
	1331		5.400.000	
Tổng cộng			59.400.000	

Kèm theo 02 chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 08 năm 2010

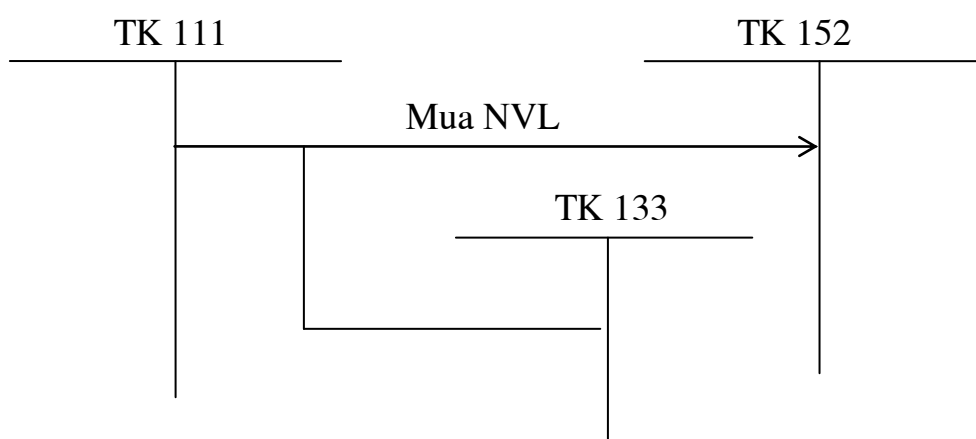
Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.5.1.3. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt.

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ cho phòng kế toán kèm theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi sổ kế toán.

Mô hình nghiệp vụ:



VD: Bà Nguyễn Thị Luyện mua bột đá cao lanh tại xí nghiệp Tân Phong . Ngày 30/08/2010 công ty nhận được hoá đơn GTGT của xí nghiệp Tân Phong.

Hoá đơn GTGT số 0066315 : Biểu số 1.

Phiếu nhập kho số 56 : Biểu số 3.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0066315 có:

Giá chưa thuế: 17.992.800

Thuế GTGT(Thuế suất 10%): 1.799.280

Tổng giá thanh toán: 19.792.080

Theo thoả thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Khi nhận được hoá đơn GTGT trên:

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để lập phiếu chi .
- Định kì, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, phiếu chi lập chứng từ ghi sổ.

Biểu số 11:

Công ty cổ phần Xuân Thủy
Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S02a- DN
QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:02/8

Ngày 30 tháng 08 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua bột đá cao lanh	152	111	17.992.800	
	1331		1.799.280	
Tổng cộng			19.792.080	

Kèm theo 02 chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 08 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.5.2. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Việc xuất dùng nguyên vật liệu chủ yếu là phục vụ nhu cầu sản xuất. Tùy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng vào bên có TK152 và vào bên nợ của các TK có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào các phiếu xuất kế toán lập bảng phân bổ vật liệu(Biểu số 12). Số liệu trên hàng tổng cộng của bảng phân bổ được đối chiếu khớp với số liệu trên dòng xuất của bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn.

Biểu số 12:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số 07- VT

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 08 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

STT	Ghi có TK 152	
	Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các TK)	TK 152
I	TK 621	112.541.625
1	Xuất nguyên vật liệu sản xuất xi măng trắng	112.541.625
II	TK 627	65.000.000
	Xuất NVL phục vụ sản xuất	65.000.000
II	TK 641	44.021.691
	Xuất NVL phục vụ bán hàng	44.021.691
III	TK 642	20.000.000
	Xuất NVL phục vụ quản lý DN	20.000.000
	Tổng cộng	241.563.000

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Cuối tháng, căn cứ vào bảng phân bổ vật liệu tháng 8, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 11

Biểu số 13:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S02a- DN

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:11/8

Ngày 31 tháng 08 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất kho NVL để sx sản phẩm	621	152	112.541.625	
Xuất NVL phục vụ sản xuất	627		65.000.000	
Xuất NVL phục vụ bán hàng	641		44.021.691	
Xuất NVL phục vụ quản lý DN	642		20.000.000	
Tổng cộng			241.563.316	

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 08 năm 2010

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Định kì 5 ngày, từ các chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái TK 152. Cuối tháng kế toán đối chiếu số liệu trên dòng cộng phát sinh và dòng số dư của sổ cái với số liệu trên dòng tổng cộng của bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn. Cuối quý, số liệu trên sổ cái được vào bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh vào các báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Biểu số 14:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số S02c1- DN

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ CÁI

Tháng 08 năm 2010

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu:152

Đơn vị tính: Đồng

CT ghi sổ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kì		1.937.884.998	
					
4/8	10/08	Nhập clinker của công ty TNHH Tân Bình	112	54.000.000	
					
26/8	20/08	Mua bột đá cao lanh của xí nghiệp Tân Phong	331	8.104.600	
					
2/8	30/08	Mua bột đá cao lanh của xí nghiệp Tân Phong	111	17.992.800	
11/8	31/08	Xuất kho NVL để sản xuất	621		112.541.625
11/8	31/08	Xuất kho NVL cho sản xuất	627		65.000.000
					
		Tổng phát sinh		506.434.378	241.563.316
		Dư cuối kì		2.202.756.060	

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY

3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, công ty cổ phần Xuân Thủy gặp không ít các khó khăn, thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm, bùng nổ các dây chuyền sản xuất gạch ceramic trong cả nước, làm cho cung vượt quá cầu. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường. Có được những thành tích này là nhờ vào bộ máy điều hành và quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán công ty nói riêng.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác kế toán tại công ty và trên cơ sở những kiến thức đã được học, sự vận dụng lý luận vào thực tiễn, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng ở công ty đã đạt được những kết quả tích cực và cũng còn một số mặt hạn chế.

3.1.1 . Ưu điểm:

Về công tác tổ chức kế toán nói chung:

- Trong công tác kế toán, công ty đã xây dựng cho mình một đội ngũ kế toán viên vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác kế toán, luôn áp dụng chế độ kế toán hiện hành kịp thời. Công việc kế toán được phân công cụ thể, phù hợp với trình độ nhân viên kế toán, từ đó tạo điều kiện phát huy và nâng cao trình độ kiến thức cho từng người. Chính điều này tạo ra một bộ máy kế toán được tổ chức một cách gọn nhẹ, chặt chẽ, khoa học, tận dụng được hết khả năng của từng nhân viên kế toán đồng thời tăng thêm thu nhập cho từng người.
- Việc tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung là mô hình đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác kiểm tra, xử lý, cung cấp thông tin giúp ban lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

- Các quy định mới về kế toán do nhà nước ban hành đều được công ty cập nhật và vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị.
- Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ phù hợp với quy mô và đặc điểm sản xuất.

Về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu:

- Công ty đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế và tính giá xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ. Việc đánh giá như vậy là hợp lý.
 - Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu.
 - Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được giá trị nhập, xuất, tăng, giảm, hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.
 - Trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, giữa phòng kế toán và thủ kho có sự phối hợp chặt chẽ: Thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết nguyên vật liệu trên các thẻ kho, kế toán theo dõi chi tiết trên các sổ chi tiết nguyên vật liệu; hàng tuần nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
 - Vấn đề kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện tốt: Cuối mỗi tháng, kế toán vật tư đều đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết nguyên vật liệu với số liệu trên thẻ kho, giữa sổ cái tài khoản 152 với bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu.

3.1.2 . Những mặt còn tồn tại.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản, trong quá trình quản lý và sử dụng kế toán nguyên vật liệu còn một số hạn chế sau:

- **Một là:** Công ty chưa mở đầy đủ các sổ sách đúng như quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng bộ tài chính. Cụ thể, hiện nay công ty không mở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dùng để theo dõi các

ngành vụ kinh tế phát sinh về mặt thời gian, do đó nếu không có sổ này thì sẽ gây khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Hai là: Việc hạch toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu. Đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng vật liệu cao hoặc một loại vật liệu nhưng có nhiều quy cách khác nhau, với đơn giá khác nhau dễ gây nhầm lẫn thì trước khi tiến hành nhập kho và viết phiếu nhập kho công ty nên tiến hành kiểm nghiệm vật tư và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- **Ba là:** Công ty vẫn chưa xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, do đó gây khó khăn cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu.

- **Bốn là:** Việc ứng dụng công nghệ tin học vào công tác hạch toán còn rất hạn chế.

- **Năm là:** Công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu ở công ty. Qua thời gian thực tập tại công ty em thấy công ty chưa thực sự coi trọng công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Nếu được thực hiện tốt, việc phân tích này sẽ giúp công ty tìm ra các nhân tố ảnh hưởng tới các khoản chi vật liệu trong giá thành sản phẩm từ đó có biện pháp hạ thấp chi phí, giá thành tăng lợi nhuận cũng như tìm ra các biện pháp quản lý nguyên vật liệu hiệu quả.

Sáu là: Nguyên vật liệu nhập kho của công ty chủ yếu từ nguồn thu mua bên ngoài. Hiện nay công ty đang sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu. Nhìn chung, các sổ sách mà công ty sử dụng theo hình thức này là phù hợp. Tuy nhiên công ty lại chưa mở sổ chi tiết phải thanh toán với người bán. Sổ chi tiết này dùng để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh trong quan hệ mua bán với từng người bán hoặc người đi mua. Như vậy công ty sẽ không phản ánh được các khoản sau: khoản công ty còn phải trả và các khoản công ty ứng trước cho người bán. Do đó, gây khó khăn cho việc theo dõi những khoản công nợ và những khoản công ty còn phải thu phải trả.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện:

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc: quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng: để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện:

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa

chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

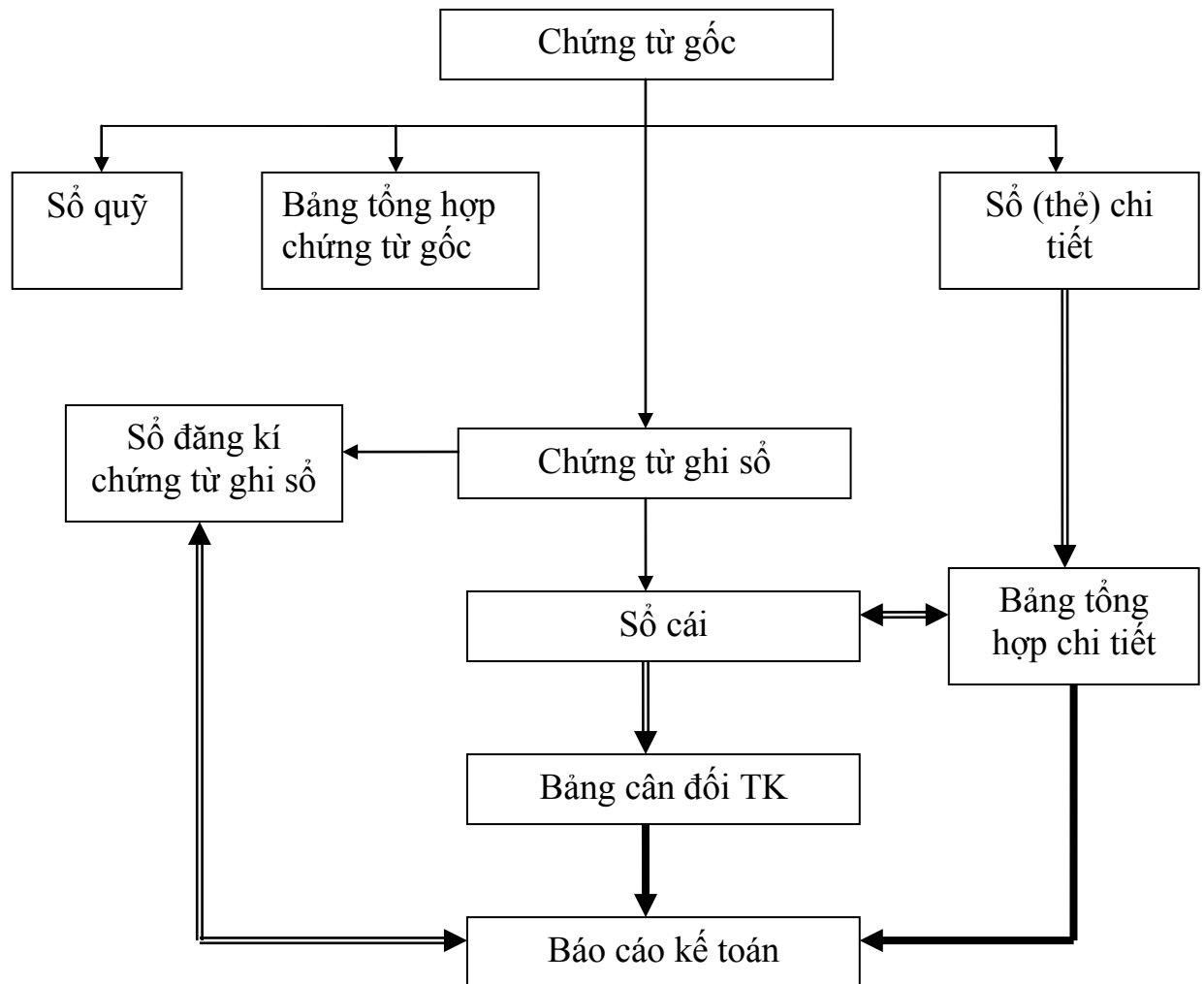
3.2.3.Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.

Để phát huy hơn nữa vai trò của kế toán nguyên vật liệu trong quản lý , em xin được đề xuất một số ý kiến nhằm củng cố hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

- ***Một là: Về việc mở sổ kế toán.***

Công ty nên mở sổ đầy đủ theo đúng trình tự của bộ tài chính đã ban hành theo QĐ 15. Điều này thể hiện sự chấp hành nghiêm túc các văn bản pháp quy của nhà nước.

Sơ đồ 6: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- : Ghi thường xuyên trong kì báo cáo
- : Ghi ngày cuối quý, năm
- ↔ : Đối chiếu số liệu cuối kì
- : Ghi cuối tháng

Nên mở thêm sổ đăng kí chứng từ ghi sổ vì đây là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa có tác dụng dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh. Hơn nữa sổ này giúp cho cơ quan thuế cũng như những cơ quan có chức năng thanh tiện hơn trong việc theo dõi và kiểm tra tính đúng đắn, tính xác thực, đầy đủ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cụ thể mẫu sổ đăng kí chứng từ như sau:

Biểu số 15:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S02a- DN

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm.....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký,họ tên)

Lập lại Sổ đăng ký chứng từ theo mẫu.

Biểu số 15:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

Mẫu số S02a- DN

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 8 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1
2/8	31/8	17.992.800
4/8	31/8	54.000.000
....	...	
26/8	31/8	8.104.600
....		
Cộng		

Ngày 31 tháng 08 năm 2010

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký,họ tên)

Do công ty có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán nên mở thêm bảng tổng hợp đăng ký chứng từ cùng loại sẽ giảm bớt số chứng từ. Nhờ vậy, sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết.

- ***Hai là: Thành lập ban kiểm nghiệm vật tư.***

Vật tư, hàng hoá nói chung và nguyên vật liệu nói riêng cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi nhập kho để xem xét loại hàng nhập kho có đúng, đủ với những điều khoản ghi trên hợp đồng mua hàng hay không, tránh tình trạng nhập kho phải những hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc là nhập không đủ số lượng so với thực mua. Do đó, tiến tới Công ty cần thành lập ban kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá. Ban kiểm nghiệm cần phải có ít nhất: Một đại diện phụ trách mua hàng, thủ kho, một đại diện phụ trách kỹ thuật sản xuất. Những người trong ban kiểm nghiệm phải thành thạo về mẫu mã, phẩm chất và quy cách của hàng mua. Sau khi nhận hàng mua về, ban kiểm nghiệm cần lập “ Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá” theo mẫu :

Biểu số 17:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số S02a- DN

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày.....tháng..... năm.....

Số:.....

- Căn cứSốNgày.....tháng.....năm.....của.....

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Trưởng ban.

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên.

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	4

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....

Đại diện kĩ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

Đối với những chuyến hàng mua về có giá trị lớn, nhiều chủng loại, thì nhất thiết phải kiểm nghiệm trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nghiệm. Cách ghi chép biên bản kiểm nghiệm như sau:

- Cột D-Phương thức kiểm nghiệm: Ghi phương pháp kiểm nghiệm toàn diện hay xác suất.
- Cột 1: Ghi số lượng theo hoá đơn, hay phiếu giao hàng.
- Cột 2 và cột 3: Ghi kết quả thực tế kiểm nghiệm.
- Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Ghi rõ ý kiến về số lượng, chất lượng, nguyên nhân đối với nguyên vật liệu không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất và cách xử lý.

Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận phụ trách cung tiêu, 1 bản giao cho phòng kế toán.

Trong trường hợp nguyên vật liệu không đúng với số lượng, quy cách, phẩm chất so với chứng từ hoá đơn, thì lập thêm một liên nữa và kèm theo các chứng từ liên quan để gửi cho đơn vị bán nhằm giải quyết.

- ***Ba là: Cần phải xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.***

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được phân loại thành từng nhóm khác nhau. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu.

Xây dựng danh điểm vật tư là việc quy định những ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số kết hợp với các chữ cái thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Nguyên vật liệu của công ty là đa dạng về chủng loại nên việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán là việc làm cần thiết. Xây dựng sổ danh điểm vật

tư sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Việc xây dựng danh điểm vật tư phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của công ty.

Về cách xây dựng danh điểm đối với nguyên vật liệu, có thể thực hiện bằng việc mở tài khoản chi tiết theo nội dung kinh tế của nguyên vật liệu

Biểu số 17:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số S02a- DN

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Kho	Danh điểm Vật liệu	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Giá hạch toán	Ghi chú
	1521	Vật liệu chính	Tấn		
	1521 A01	Bột đá cao lanh	Tấn		
	1521 A02	Clinker	Tấn		
					
	1522	Vật liệu phụ			
	1522 A01	Thạch cao	Tấn		
	1522 A02	Vỏ bao	Tấn		
					

- **Bốn là:** Để đảm bảo cho việc cung cấp nguyên vật liệu được liên tục làm cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn là công việc quan trọng hàng đầu, do vậy việc tìm nguồn vật tư cung cấp thường xuyên cho sản xuất với chất lượng tốt sẽ là mối quan tâm của công ty. Bên cạnh đó, phải theo dõi tình hình thanh toán, phương thức thanh toán để có những biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy mối quan hệ mua bán. Do đó, để phù hợp với yêu cầu theo dõi một cách thuận lợi, liên tục, có hệ thống, kế toán nên mở sổ chi tiết tài khoản 331 theo mẫu sau:

Biểu số 18:

Công ty cổ phần Xuân Thủy

Mẫu số S02a- DN

Phi Liệt – Lại Xuân - HP

QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm

2006

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản:.....số hiệu:.....

Đối tượng:.....

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
Thủ trưởng đơn vị

Phụ trách kế toán

(Ký)
(Ký

tên,đóng

(Ký)
dấu)

- **Năm là: Tiến tới đầu tư công nghệ tin học vào công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.**

Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng, tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý, kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hoá công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh được tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Để chuẩn bị cho việc áp dụng phần mềm kế toán, công ty nên có kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tin học cho cán bộ kế toán. Điều này sẽ giúp cho việc làm kế toán trên máy được dễ dàng hơn.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA...

- **Năm là: Tiến hành phân tích khoản chi vật liệu trong giá thành.**

Chi phí nguyên vật liệu trong giá thành chiếm tỷ trọng lớn nên một sự biến động nhỏ của khoản chi phí này cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản phẩm. Để đạt được lợi nhuận tối đa trong sản xuất kinh doanh công ty cần tìm cách giảm chi phí nguyên vật liệu trong khi vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm tốt. Muốn vậy công ty phải quan tâm đến công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng các loại nguyên vật liệu bao gồm việc phân tích khoản chi phí vật liệu trong giá thành.

Mỗi loại sản phẩm tại công ty sản xuất và chế tạo cần nhiều loại vật liệu khác nhau, với mức tiêu hao và đơn giá khác nhau. Với từng loại sản phẩm thì khoản chi phí vật liệu trong giá thành có thể được xác định theo công thức:

$$C_v = \Sigma SL \times \overline{m_i} \times g_i - F$$

Trong đó:

C_v : Là chi phí vật liệu trong giá thành

SL : Là số lượng sản xuất của một loại sản phẩm

g_i : Là đơn giá vật liệu xuất dùng

F : Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)

$\overline{m_i}$: Mức tiêu hao bình quân của từng loại vật liệu.

Sau đó xác định khoản chi phí vật liệu kế hoạch được điều chỉnh theo sản lượng thực tế:

$$C_{v0}^d = \Sigma SL_1 \times \overline{m_i} \times g_i - F_0^d$$

$$\text{Trong đó: } F_0^d = \frac{F_0 \times SL_1}{SL_0}$$

Sau đó xác định khoản chi vật liệu thực tế:

$$C_{v1} = \Sigma SL_1 \times \overline{m_{1i}} \times g_{1i} - F_1$$

$$\triangle C_v = C_{v1} - C_{v0}^d$$

So sánh giữa khoản chi phí thực tế với kế hoạch sẽ xác định được chênh lệch và có thể đưa ra kết luận về chi phí vật liệu trong giá thành. Từ đó có thể xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố:

- Do mức tiêu hao bình quân thay đổi
- Do giá vật liệu xuất dùng thay đổi
- Do giá trị phế liệu thu hồi thay đổi
- Do sử dụng vật liệu thay thế

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Xuân Thủy em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng to lớn của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành công trình, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy tổ chức kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng là nhu cầu tất yếu của công tác quản lý. Công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Đề tài là kết quả của sự vận dụng lý luận vào thực tế, bám sát thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị. Ba vấn đề lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phạm vi nghiên cứu đã được đề tài làm sáng tỏ đó là:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất;
- Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất;
- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở thực tế tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại một doanh nghiệp sản xuất.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ chỉ dẫn tận tình của cán bộ phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xuân Thủy và đặc biệt là thầy giáo Trần Văn Hợi trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho em hoàn thành luận văn này.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thảo Trang

MỤC LỤC**LỜI MỞ ĐẦU****CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.....	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	2
1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu (NVL).....	2
1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu.....	2
1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất....	3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất.....	4
1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	4
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	4
1.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và nội dung kinh tế..	5
1.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu theo mục đích, công dụng của nguyên vật	5
1.2.1.3. Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn nhập.....	5
1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu	6
1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....	6
1.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.2.2.2.1. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho....	7
1.2.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu xuất kho.....	8
1.2.2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.....	11
1.3. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất....	12
1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	12
1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:.....	12

1.3.1.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu:	13
1.3.1.2.1. Phương pháp thẻ song song.....	14
1.3.1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	16
1.3.1.2.3. Phương pháp sổ sổ dư.....	18
1.3.2. Các phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	20
1.3.2.1. Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên.....	20
1.3.2.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	20
1.3.2.2.1. Tài khoản kế toán sử dụng.....	20
1.3.2.2.2. Trình tự kế toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	20
1.3.3. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.....	22
1.3.4. Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.....	25
1.3.4.1. Báo cáo tài chính.	25
1.3.4.2. Báo cáo quản trị.....	26
CHƯƠNG 2: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY	
2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Xuân Thủy.....	27
2.1.1. Khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty cổ phần Xuân Thủy.....	27
2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Xuân Thủy.....	27
2.1.1.2. Chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.....	29
2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý, kinh doanh tại công ty CP Xuân Thủy....	31
2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.....	31
2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ các phòng ban:.....	33
2.1.3. Đặc điểm công tác Kế toán tại công ty cổ phần Xuân Thủy.....	35

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	35
2.1.4. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty	36
2.1.4.1. Đặc điểm các chứng từ kế toán	36
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy	40
2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty.....	40
2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy	40
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty	40
2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty.....	43
2.2.2.1. Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.....	43
2.2.2.2.1. Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho.....	44
2.2.3. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.....	45
2.2.3.2. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty....	45
2.2.3.3. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty...	49
2.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy....	52
2.2.5. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.....	57
2.2.5.1. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty....	58
2.2.5.1.1. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán.	58
2.2.5.1.2. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.....	60
2.2.5.1.3. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt.....	62
2.2.5.2. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.....	64

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY

3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.....	68
3.1.1. Ưu điểm:.....	68
3.1.2. Những mặt tồn tại.....	69
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....	71
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện:.....	71
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện:.....	71
3.2.3 Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Xuân Thủy.....	73
Kết	luận.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luận văn có sử dụng một số tài liệu tham khảo sau:

- 1-Giáo trình kế toán doanh nghiệp theo luật kế toán mới của TT.Tác giả Học viện Tài chính,chủ biên:PGS.TS Ngô Thế Chi-TS Trương Thị Thúy,nhà xuất bản thông kê Hà Nội.
- 2-Giáo trình kế toán quản trị - Học viện Tài chính – Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội năm 1999.
- 3-Hệ thống kế toán doanh nghiệp . Hướng dẫn sử dụng chứng từ kế toán,hướng dẫn ghi sổ kế toán -Bộ Tài chính –Nhà xuất bản tài chính,Hà Nội – 2004.
- 4-Chuẩn mực 02 –Hàng tồn kho - Bộ tài chính.
- 5-Trích tài liệu từ phòng kế toán của Công ty.
- 6-Một số luận văn của khóa trước.

